HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 191 /NQ-HĐND	*Khánh Hòa, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

Người ký: SỞ CÔNG THƯƠNG
Email: sct@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Thời gian ký: 08.01.2025 14:53:23 +07:00

SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 175
Ngày: 08/01/2025

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Xét Báo cáo số 446/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 316/BC-BKTNS ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2025 như sau:

I. Ngân sách cấp tỉnh

1. Tổng thu cân đối NS cấp tỉnh được hưởng	:	**18.640.900 triệu đồng**
a) Thu cân đối NS cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	:	16.002.175 triệu đồng
b) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	:	2.448.725 triệu đồng
c) Nguồn tiết kiệm chi năm 2022	:	190.000 triệu đồng
2. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh	:	**20.024.600 triệu đồng**
2.1. Chi ngân sách cấp tỉnh	:	**19.583.600 triệu đồng**
2.1.1. Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh	:	15.517.028 triệu đồng
a) Chi đầu tư phát triển	:	8.464.941 triệu đồng
Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn bội chi	:	*1.383.700 triệu đồng*

b) Chi thường xuyên	:	4.673.479 triệu đồng
c) Chi trả nợ lãi vay	:	15.900 triệu đồng
d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	:	1.170 triệu đồng
đ) Dự phòng chi cấp tỉnh	:	403.009 triệu đồng
e) Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	:	1.810.398 triệu đồng
g) Chi Chương trình MTQG	:	148.131 triệu đồng
2.1.2. Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới	:	4.066.572 triệu đồng
2.2. Dự toán tăng thu so với Thủ tướng Chính phủ chưa phân bổ	:	**441.000 triệu đồng**
3. Bội chi ngân sách	:	**1.383.700 triệu đồng**
II. Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố:		
1. Thu NS các huyện, thị xã, thành phố	:	**8.088.586 triệu đồng**
a) Thu cân đối NS hưởng theo phân cấp	:	3.287.725 triệu đồng
b) Nguồn bô sung từ ngân sách cấp trên	:	4.066.572 triệu đồng
c) Nguồn cải cách tiền lương	:	734.289 triệu đồng
2. Chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố	:	**8.088.586 triệu đồng**
a) Chi đầu tư phát triển	:	1.052.853 triệu đồng
b) Chi thường xuyên	:	6.741.333 triệu đồng
c) Dự phòng chi	:	294.400 triệu đồng

(Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- ĐUK các cơ quan, ĐUK doanh nghiệp;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Khắc Toàn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ

Phụ lục số 01

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191 /NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	DỰ TOÁN NĂM 2025	SO SÁNH%	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					
I	**Nguồn thu ngân sách**	**12.890.773**	**18.419.415**	**18.640.900**	**5.750.127**	**144,61**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	10.088.164	12.351.408	16.002.175	5.914.011	158,62
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	2.606.050	*4.499.059*	*7.414.540*	4.808.490	284,51
	- Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ %	7.482.114	*7.852.349*	*8.587.635*	1.105.521	114,78
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.389.431	3.059.231	2.448.725	59.294	102,48
	- Bổ sung cân đối ngân sách				0	
	- Bổ sung có mục tiêu	2.389.431	3.059.231	2.448.725	59.294	102,48
3	Nguồn tăng thu	130.000	338.788		-130.000	0,00
4	Nguồn tiết kiệm chi	160.000	428.110	190.000	30.000	118,75
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		0		0	
6	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		1.898.974		0	
7	Nguồn cải cách tiền lương	123.178	274.983	0	-123.178	0,00
8	Nguồn ngân sách cấp dưới nộp lên		67.921		0	
II	**Chi ngân sách cấp tỉnh**	**13.786.373**	**18.233.415**	**20.024.600**	**5.797.227**	**145,25**
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh	10.728.562	10.823.466	15.470.728	4.742.166	144,20
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.010.397	4.952.116	4.066.572	1.056.175	135,08
a	*Chi bổ sung cân đối ngân sách*	2.882.003	*2.882.003*	*3.809.958*	*927.955*	132,20
b	*Chi bổ sung có mục tiêu*	*128.394*	*2.070.113*	*256.614*	*128.220*	199,86
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		*100.899*			
4	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau					
5	Chi trả nợ gốc các khoản vay	47.414	47.414	46.300	-1.114	97,65
6	Nguồn tăng thu chưa phân bổ		2.263.244			
7	Tiết kiệm 5% để thực hiện các nhiệm vụ chi theo Chỉ thị Số 01/CT-TTg và 42/CT-TTg của TTgCP để triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo		46.276			
8	Dự toán tăng thu so với TTgCP chưa phân bổ			441.000		
III	**Bội chi ngân sách/Bội thu ngân sách**	**-895.600**	**186.000**	**-1.383.700**	**-488.100**	**154,50**
B	NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	**Nguồn thu ngân sách**	**6.420.642**	**9.038.674**	**8.088.586**	**1.667.944**	**125,98**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	2.943.876	3.227.702	3.287.725	343.849	111,68
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	1.244.550	1.459.501	1.342.660	98.110	107,88
	- Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ %	1.699.326	1.768.201	1.945.065	245.739	114,46
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.010.397	4.952.116	4.066.572	1.056.175	135,08
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*2.882.003*	*2.882.003*	*3.809.958*	*927.955*	*132,20*
	- Bổ sung có mục tiêu	*128.394*	*2.070.113*	*256.614*	*128.220*	
3	Nguồn ngân sách cấp dưới nộp lên				0	
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước		155.563		0	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước				0	
6	Nguồn cải cách tiền lương	466.369	466.369	734.289	267.920	157,45
7	Nguồn NS huyện		236.924		0	
II	**Chi ngân sách**	**6.420.642**	**9.038.674**	**8.088.586**	**1.667.944**	**125,98**
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách huyện	6.420.642	8.712.142	8.088.586	1.667.944	125,98
2	Chi bổ sung NS cấp dưới				0	
3	Nguồn tăng thu dự toán chưa phân bổ		283.826		0	
4	Tiết kiệm 5% để thực hiện các nhiệm vụ chi theo Chỉ thị Số 01/CT-TTg và 42/CT-TTg của TTgCP để triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo		42.706			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191 /NQ-HĐND ngày 12 /12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I-Thu nội địa	Bao gồm																II-Thu từ dầu thô	III-Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				1. Thu từ DNNN Trung ương	2. Thu từ DNNN địa phương	3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	5. Lệ phí trước bạ	6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8. Thuế thu nhập cá nhân	9. Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện	10. Thu phí và lệ phí	11. Tiền sử dụng đất	12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	13. Thu tiền bán và thuê nhà thuộc SHNN	14. Thu khác ngân sách	15. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	16. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		
A	B	1	2	3	3	3	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	**3.842.000**	**3.842.000**	**15.000**	**24.000**	**13.000**	**1.609.900**	**472.000**	**0**	**28.000**	**658.200**	**34.000**	**133.100**	**585.000**	**0**	**0**	**255.800**	**14.000**	**0**	**0**	**0**
1	Nha Trang	2.039.000	2.039.000	11.680	18.065	8.445	821.000	262.500		23.000	433.000	500	79.000	219.000			162.790	20		0	0
2	Cam Ranh	581.000	581.000	800	1.100	360	182.560	67.000		3.850	45.100	30.000	13.000	210.000			27.230			0	0
3	Ninh Hòa	407.000	407.000	1.620	2.380	80	223.500	43.000		200	42.000		12.000	57.000			19.670	5.550		0	0
4	Vạn Ninh	181.000	181.000	550	700	0	64.000	20.000		100	24.700		8.200	48.000			10.570	4.180		0	0
5	Diên Khánh	279.000	279.000	15	860	115	145.000	36.000		250	41.000		8.000	27.000			17.500	3.260		0	0
6	Cam Lâm	202.000	202.000	0	300	4.000	84.000	30.000		600	57.500		11.100	3.000			10.710	790		0	0
7	Khánh Vĩnh	126.000	126.000	65	580	0	78.500	6.500		0	12.000	3.500	1.400	18.000			5.255	200		0	0
8	Khánh Sơn	27.000	27.000	270	15	0	11.340	7.000		0	2.900		400	3.000			2.075			0	0

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 3

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSĐP	**24.046.614**	**15.958.028**	**8.088.586**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**23.457.483**	**15.368.897**	**8.088.586**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**9.517.794**	**8.464.941**	**1.052.853**
1	Chi đầu tư cho các dự án	9.471.494	8.418.641	1.052.853
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*0*		
-	*Chi khoa học và công nghệ*	*0*		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	*0*		
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	*2.000.000*	*1.415.000*	*585.000*
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*	*315.000*	*315.000*	*0*
-	*Chi đầu tư từ nguồn bội chi*	*1.383.700*	*1.383.700*	*0*
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	46.300	46.300	
-	*Chi trả nợ gốc*	*46.300*	*46.300*	
II	**Chi thường xuyên**	**11.414.812**	**4.673.479**	**6.741.333**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*4.365.556*	*1.009.905*	*3.355.651*
2	*Chi khoa học và công nghệ*	*33.350*	*33.350*	*0*
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**15.900**	**15.900**	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.170**	**1.170**	
V	**Dự phòng ngân sách**	**697.409**	**403.009**	**294.400**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**1.810.398**	**1.810.398**	**0**
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**148.131**	**148.131**	
C	**DỰ TOÁN TĂNG THU SO VỚI TTgCP GIAO CHƯA PHÂN BỔ**	**441.000**	**441.000**	
D	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 4

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191 /NQ-HĐND ngày 12 /12 /2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG CHI NSĐP	**28.857.633**	**20.024.600**	**7.226.162**	**1.606.871**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**	**4.811.019**	**4.066.572**	744.447	
B	**CHI NGÂN SÁCH NSĐP THEO LĨNH VỰC**	**23.457.483**	**15.368.897**	**6.481.715**	**1.606.871**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**9.517.794**	**8.464.941**	**849.361**	**203.492**
I.1	**Chi đầu tư các dự án chia theo nguồn**	**9.471.494**	**8.418.641**	**849.361**	**203.492**
1	Chi XDCB tập trung	3.083.340	2.615.487	343.336	124.517
2	Chi ĐT từ nguồn tiền sử dụng đất	2.000.000	1.415.000	506.025	78.975
	- Chi từ nguồn thu tiền SDĐ cấp tỉnh	1.132.000	1.132.000	0	0
	- Chi từ nguồn thu tiền SDĐ cấp huyện	526.500		447.525	78.975
	- Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện	141.500	141.500		
	- Chi bổ sung Quỹ phát triển đất	200.000	141.500	58.500	
3	Chi đầu tư từ nguồn bội chi	1.383.700	1.383.700	0	0
4	Chi ĐT từ vốn BS mục tiêu NSTƯ	2.189.454	2.189.454	0	0
a	Vốn trong nước	37.249	37.249		
b	Vốn nước ngoài	2.152.205	2.152.205		
5	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	315.000	315.000		
6	Chi đầu tư từ nguồn thuê đất một lần	500.000	500.000		
I.2.	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật**				
I.3.	**Chi đầu tư phát triển khác**	**46.300**	**46.300**		
II	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**15.900**	**15.900**		
III	**Chi thường xuyên**	**11.414.812**	**4.673.479**	**5.396.878**	**1.344.455**
-	Chi quốc phòng	218.688	80.498	41.825	96.365
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	179.972	29.075	7.329	143.568
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.365.556	1.009.905	3.349.667	5.984
-	Chi khoa học và công nghệ	33.350	33.350	0	0
-	Chi y tế, dân số và gia đình	933.649	810.346	123.303	0
-	Chi văn hóa thông tin	259.458	228.856	24.937	5.665
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	55.802	34.377	17.679	3.746
-	Chi thể dục thể thao	83.205	71.097	9.019	3.089
-	Chi bảo vệ môi trường	160.733	54.733	106.000	0
-	Chi các hoạt động kinh tế	1.646.828	834.694	737.591	74.543
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn	2.622.552	1.235.538	400.328	986.686
-	Chi bảo đảm xã hội	793.421	224.031	552.204	17.186
-	Chi thường xuyên khác	61.598	26.979	26.996	7.623
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.170**	**1.170**		
V	**Dự phòng ngân sách**	**697.409**	**403.009**	**235.476**	**58.924**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**1.810.398**	**1.810.398**	**0**	**0**
C	**DỰ TOÁN TĂNG THU SO VỚI TTgCP GIAO CHƯA PHÂN BỔ**	**441.000**	**441.000**		
D	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**148.131**	**148.131**	**0**	**0**
Đ	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 5

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 12 /12 /2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Dự toán tăng thu so với TTgCP chưa phân bổ
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ	**15.958.028**	**8.464.941**	**4.673.479**	**15.900**	**1.170**	**403.009**	**1.810.398**	**148.131**	**148.131**	**0**	**0**	**441.000**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**13.138.420**	**8.464.941**	**4.673.479**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Văn phòng Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh	23.486		23.486									
2	Văn phòng Uỷ ban nhân dân	31.382		31.382									
3	Sở Ngoại vụ	12.309		12.309									
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	195.550		195.550									
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.783		14.783									
6	Sở Tư pháp	14.489		14.489									
7	Sở Công thương	13.263		13.263									
8	Sở Khoa học công nghệ	41.205		41.205									
9	Sở Tài chính	15.039		15.039									
10	Sở Xây dựng	14.898		14.898									
11	Sở Giao thông Vận tải	74.404		74.404									
12	Sở Giáo dục Đào tạo	539.525		539.525									
13	Trường Đại học Khánh Hòa	43.046		43.046									
14	Trường Cao đẳng y tế	25.064		25.064									
15	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	45.606		45.606									
16	Sở Y tế	416.819		416.819									
17	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	183.997		183.997									
18	Sở Văn hóa và Thể thao	133.506		133.506									
19	Sở Du lịch	12.143		12.143									
20	Sở Tài nguyên Môi trường	69.218		69.218									
21	Sở Thông tin truyền thông	45.331		45.331									
22	Sở Nội vụ	37.942		37.942									
23	Thanh tra tỉnh Khánh Hòa	11.441		11.441									
24	Hội đồng Liên minh các hợp tác xã	4.486		4.486									
25	Ban dân tộc	5.043		5.043									
26	BQL khu kinh tế Vân Phong	8.604		8.604									
27	Tỉnh ủy Khánh Hòa	128.086		128.086									
28	Trường Chính trị	13.499		13.499									
29	Ủy ban mặt trận tổ quốc	9.454		9.454									
30	Tỉnh đoàn Khánh Hòa	10.249		10.249									
31	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Khánh Hòa	6.326		6.326									
32	Hội Nông dân	9.746		9.746									
33	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2.896		2.896									
34	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	2.775		2.775									

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Dự toán tăng thu so với TTgCP chưa phân bổ
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
35	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2.749		2.749									
36	Hội Nhà báo	2.214		2.214									
37	Hội văn học nghệ thuật	3.722		3.722									
38	Hội đông y	894		894									
39	Hội chữ thập đỏ	4.715		4.715									
40	Hỗ trợ các hội tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp	7.659		7.659									
41	Đài Phát Thanh và Truyền hình Khánh Hòa	6.377		6.377									
42	BCH Quân sự tỉnh Khánh Hòa	33.338		33.338									
43	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa	7.160		7.160									
44	Công an tỉnh Khánh Hòa (bao gồm kinh phí cho lực lượng C	11.075		11.075									
45	Làng trẻ em SOS	1.828		1.828									
46	Đại học Nha Trang	1.264		1.264									
47	Bảo hiểm xã hội	46.532		46.532									
48	Kinh phí bảo hiểm các đối tượng	407.491		407.491									
49	Cục quản lý thị trường	300		300									
50	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang	900		900									
51	Kho bạc nhà nước tỉnh	200		200									
52	Kinh phí sự nghiệp các chương trình	62.500		62.500									
53	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo mục tiêu tại Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị	430.000		430.000									
54	Các nội dung khác	1.426.951		1.426.951									
55	**Các dự án, công trình**	**8.418.641**	**8.418.641**										
56	Chi trả nợ gốc	**46.300**	**46.300**										
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**	**15.900**			**15.900**								
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1.170**				**1.170**							
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**403.009**					**403.009**						
V	**CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	**1.810.398**						**1.810.398**					
VI	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG**	**148.131**							**148.131**	**148.131**	**0**		
VIII	**DỰ TOÁN TĂNG THU SO VỚI TTgCP GIAO CHƯA PHÂN BỔ**	**441.000**											**441.000**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 06

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							Chi các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
A	B	1=2+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ	148.131	148.131	0	69.765	69.765	69.765	0	0	0	0	78.366	78.366	78.366	0	0	0	0
I	Ngân sách cấp tỉnh	148.131	148.131	0	69.765	69.765	69.765		0			78.366	78.366	78.366		0		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 7

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Trong đó		Nguồn CCTL ngân sách huyện để chi tăng lương	Tổng chi cân đối NSĐP
				Thu NSĐP hưởng 100%	Thu phân chia			Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu		
					Tổng số	Trong đó: Phần NSĐP được hưởng					
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6=7+8	7	8	9	9=2+6
	TỔNG SỐ	**3.842.000**	**3.287.725**	**1.342.660**	**2.307.440**	**1.945.065**	**4.066.572**	**3.809.958**	**256.614**	**734.289**	**8.088.586**
1	Thành phố Nha Trang	2.039.000	1.715.190	661.025	1.290.045	1.054.165	156.614		156.614	288.615	2.160.419
2	Thành phố Cam Ranh	581.000	504.954	306.360	330.340	198.594	378.618	363.618	15.000	152.417	1.035.989
3	Thị xã Ninh Hòa	407.000	359.148	126.500	258.500	232.648	994.000	974.000	20.000		1.353.148
4	Huyện Vạn Ninh	181.000	157.435	85.480	79.950	71.955	692.106	677.106	15.000		849.541
5	Huyện Diên Khánh	279.000	247.265	83.160	96.660	164.105	468.230	448.230	20.000	146.321	861.816
6	Huyện Cam Lâm	202.000	171.187	40.315	145.415	130.872	405.682	390.682	15.000	146.936	723.805
7	Huyện Khánh Vĩnh	126.000	108.174	28.520	92.005	79.654	482.660	482.660			590.834
8	Huyện Khánh Sơn	27.000	24.372	11.300	14.525	13.072	441.883	426.883	15.000		466.255
9	Huyện Trường Sa		0				46.779	46.779			46.779

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 8

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 491/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương													Chi chương trình mục tiêu				Chi chuyển nguồn sang năm sau
			Tổng số	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên			Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	
				Tổng số	Trong đó		Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT (nếu có)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó									
					Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ					Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)								
A	B	1=2+15+19	2=3+9+12+13+14	3=6+7+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	**8.088.586**	**8.088.586**	**1.052.853**	**0**	**0**	**467.853**	**0**	**585.000**	**6.741.333**	**3.355.651**	**0**	**0**	**294.400**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Thành phố Nha Trang	2.160.419	2.160.419	297.189		0	78.189		219.000	1.784.140	888.211	0		79.090	0	0				
2	Thành phố Cam Ranh	1.035.989	1.035.989	262.644			52.644		210.000	735.419	381.696	0		37.926	0	0				
3	Thị xã Ninh Hòa	1.353.148	1.353.148	128.832			71.832		57.000	1.174.779	568.332	0		49.537	0	0				
4	Huyện Vạn Ninh	849.541	849.541	103.104			55.104		48.000	715.337	363.818	0		31.100	0	0				
5	Huyện Diên Khánh	861.816	861.816	91.452			64.452		27.000	738.814	338.930	0		31.550		0				
6	Huyện Cam Lâm	723.805	723.805	52.200			49.200		3.000	645.107	329.350	0		26.498	0	0				
7	Huyện Khánh Vĩnh	590.834	590.834	73.596			55.596		18.000	495.608	276.645	0		21.630	0	0				
8	Huyện Khánh Sơn	466.255	466.255	43.836			40.836		3.000	405.350	208.669	0		17.069	0	0				
9	Huyện Trường Sa	46.779	46.779	0						46.779						0				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 9

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện duy tu, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các công trình công cộng, các tuyến đường và các công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	**256.614**	**0**	**156.614**	**100.000**
1	Thành phố Nha Trang	156.614		156.614	
2	Thành phố Cam Ranh	15.000			15.000
3	Thị xã Ninh Hòa	20.000			20.000
4	Huyện Vạn Ninh	15.000			15.000
5	Huyện Diên Khánh	20.000			20.000
6	Huyện Cam Lâm	15.000			15.000
7	Huyện Khánh Vĩnh	0			
8	Huyện Khánh Sơn	15.000			15.000
9	Huyện Trường Sa	0			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 10

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số			Kinh phí hoạt động Trung đội dân quân thường trực thiếu			Các chế độ an sinh xã hội			Chi hoạt động Tổ an ninh trật tự ở cơ sở			Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện duy tu, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các công trình công cộng, các tuyến đường và các công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	10=11+12	11	12
	TỔNG SỐ	**256.614**	**256.614**	**0**	**1.537**	**1.537**	**0**	**114.795**	**114.795**	**0**	**40.282**	**40.282**	**0**	**100.000**	**100.000**	**0**
1	Thành phố Nha Trang	156.614	156.614		1.537	1.537		114.795	114.795		40.282	40.282		0		
2	Thành phố Cam Ranh	15.000	15.000		0						0			15.000	15.000	
3	Thị xã Ninh Hòa	20.000	20.000		0						0			20.000	20.000	
4	Huyện Vạn Ninh	15.000	15.000		0						0			15.000	15.000	
5	Huyện Diên Khánh	20.000	20.000		0						0			20.000	20.000	
6	Huyện Cam Lâm	15.000	15.000		0						0			15.000	15.000	
7	Huyện Khánh Vĩnh	0	0		0						0			0	0	
8	Huyện Khánh Sơn	15.000	15.000		0						0			15.000	15.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Phụ lục số 11

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 191/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	CHI THƯỜNG XUYÊN	**4.673.479**	**80.498**	**29.075**	**1.009.905**	**33.350**	**810.346**	**228.856**	**34.377**	**71.097**	**54.733**	**834.694**	**123.005**	**121.382**	**590.307**	**1.235.538**	**224.031**	**26.979**
1	**Văn phòng Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh**	**23.486**														**23.486**		
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**6.460**														**6.460**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.108														4.108		
	- Kinh phí HĐLĐ	861														861		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.491														1.491		
1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.195**														**2.195**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	855														855		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.340														1.340		
1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**14.831**														**14.831**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	53														53		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	385														385		
	- Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh	12.718														12.718		
	- Kinh phí hoạt động của Đoàn ĐBQH	1.000														1.000		
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản																	
	- Kinh phí hỗ trợ thuê trụ sở làm việc tạm thời	675														675		
2	**Văn phòng Uỷ ban nhân dân**	**31.382**										**1.643**			**1.643**	**29.739**		
2.1	**Chi Quản lý nhà nước**	**29.739**														**29.739**		
2.1.1	**VP.UBND**	**25.272**														**25.272**		
2.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**10.904**														**10.904**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	6.962														6.962		
	- Kinh phí HĐLĐ	1.227														1.227		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.715														2.715		
2.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**3.701**														**3.701**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.449														1.449		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	2.252														2.252		
2.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**10.667**														**10.667**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	98														98		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	676														676		
	- Tiêu chí bổ sung	8.000														8.000		
	- KP Đoàn công tác Trường Sa	1.000														1.000		
	- Kinh phí may trang phục Ban tiếp công dân	20														20		
	- Kinh phí Kiểm soát thủ tục hành chính	198														198		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí xử lý tài liệu tích đống của UBND tỉnh																	
	- Kinh phí hỗ trợ thuê trụ sở làm việc tạm thời	675														675		
2.1.2	**Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh**	**4.467**														**4.467**		
2.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.016**														**2.016**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	889														889		
	- Kinh phí HĐLĐ	686														686		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	441														441		
2.1.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**463**														**463**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	185														185		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	278														278		
2.2.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.988**														**1.988**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	27														27		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	108														108		
	- Kinh phí các nhiệm vụ phục vụ	1.253														1.253		
	- Kinh phí làm thêm giờ																	
	- Chế độ nhuận bút, thù lao cổng thông tin dịch vụ Hành chính công trực tuyến	201														201		
	- Chi hỗ trợ CB,CC,VC làm việc tại bộ phận một cửa theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND	399														399		
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan																	
2.2	**Kinh phí sự nghiệp**	**1.643**										**1.643**			**1.643**			
2.2.1	**Trung tâm công báo**	**1.572**										**1.572**			**1.572**			
2.2.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**892**										**892**			**892**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	636										636			636			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	256										256			256			
2.2.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**339**										**339**			**339**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	133										133			133			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	206										206			206			
2.2.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**341**										**341**			**341**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10										10			10			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	61										61			61			
	- Phục vụ trang tin	90										90			90			
	- Bảo quản đóng hộp Công báo	19										19			19			
	- Chế độ thù lao nhuận bút	105										105			105			
	- In công báo	45										45			45			
	- Đóng thành quyển tập Công báo	11										11			11			
	- Mua máy photocopy																	
2.2.2	**Trung tâm Hội nghị và Nhà khách tỉnh**	**71**										**71**			**71**			
	- Trung tâm báo chí	40										40			40			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	31										31			31			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí thuê trụ sở tại Trung tâm																	
3	**Sở Ngoại vụ**	**12.309**														**12.309**		
3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.281**														3.281		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.106														2.106		
	- Kinh phí HĐLĐ	271														271		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	904														904		
3.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.111**														1.111		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	438														438		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	673														673		
3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**7.917**														7.917		
	- Tổ chức gặp mặt khách quốc tế và kiều bào nhân dịp Tết Nguyên đán	200														200		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	210														210		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	30														30		
	- Kinh phí đảm bảo thực hiện điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế	40														40		
	- Kinh phí đoàn ra, đoàn vào	6.870														6.870		
	- Kinh phí thực hiện đề án bồi dưỡng cán bộ ngoại vụ	200														200		
	- Kinh phí hỗ trợ chế độ thù lao, nhuận bút	100														100		
	- Kinh phí hoạt động Trang thông tin điện tử phục vụ công tác đối ngoại (có trang tiếng Anh)	50														50		
	- Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo chiến lược phát triển bền vững kinh tế tỉnh Khánh Hòa	50														50		
	Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác đối ngoại và ngoại giao kinh tế	145														145		
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản																	
	- Chỉnh lý tài liệu và trang thiết bị lưu trữ																	
	- Trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước																	
	- Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số Sở Ngoại vụ																	
	- Hỗ trợ cho công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	22														22		
	- Kinh phí hoạt động Ban hội nhập quốc tế																	
4	**Sở Nông nghiệp và PTNT**	**195.550**			**55**						**5.317**	**115.475**			**115.475**	**74.703**		
4.1	**Chi quản lý hành chính**	**74.703**														**74.703**		
4.1.1	**Văn phòng Sở**	**17.478**														**17.478**		
4.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**7.547**														**7.547**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.161														5.161		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.240														2.240		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
4.1.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**2.720**														**2.720**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	1.074														1.074		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	1.646														1.646		
4.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**7.211**														**7.211**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	69														69		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	486														486		
	- Chi nhuận bút biên tập trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp & PTNT	50														50		
	- KP kiểm mẫu	60														60		
	- KP trang phục	80														80		
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
	- KP trang bị hoàn thiện, nâng cấp hệ thống họp trực tuyến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (khu liên cơ I và II)																	
	- KP thực hiện khảo sát, đánh giá hệ thống an toàn thông tin Sở NN và PTNT (thực hiện KH 4263/KH-UBND ngày 13/5/2022)	75														75		
	- Tổ chức đào tạo chuyển đổi số																	
	- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn																	
	- KP triển khai đề án đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác	55														55		
	- KP sửa chữa Văn phòng Sở (các phòng họp, nhà vệ sinh, hệ thống điện nước)																	
	- KP thực hiện điều tra rừng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	5.710														5.710		
	- KP mua sắm máy tính xách tay phục vụ công tác chuyên môn và triển khai chuyển đổi số																	
	- KP phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	100														100		
	- KP hoạt động quỹ nghề cá Khánh Hòa	500														500		
	- KP xây dựng phần mềm quản lý và nhắc việc Sở Nông nghiệp và PTNT																	
	- KP dịch vụ vận hành hệ thống thông tin quản lý ngành nông nghiệp																	
	- KP mua xe ô tô phục vụ công tác chung																	
4.1.3	**Chi cục Thủy Lợi**	**2.895**														**2.895**		
4.1.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.098**														**2.098**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.236														1.236		
	- Kinh phí HĐLĐ	209														209		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	653														653		
4.1.3.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**640**														640		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	257														257		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	383														383		
4.1.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**157**														**157**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	23														23		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	108														108		
	- KP Trang phục thanh tra chuyên ngành																	
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
	- KP sửa chữa, mua sắm pin năng lượng mặt trời																	
	- KP chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ lưu trữ																	
4.1.4	**Chi cục Kiểm Lâm**	**35.963**														**35.963**		
4.1.4.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**24.645**														**24.645**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	17.029														17.029		
	- Kinh phí HĐLĐ	1.817														1.817		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	5.799														5.799		
4.1.4.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**9.135**														**9.135**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	3.543														3.543		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	5.592														5.592		
4.1.4.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.183**														**2.183**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	225														225		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.158														1.158		
	- KP Trang phục	450														450		
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	260														260		
	- KP sửa chữa nhà làm việc Hạt kiểm lâm Khánh Vĩnh	90														90		
	- KP mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn (máy photocopy - Hạt Kiểm lâm Cam Lâm, Diên Khánh, Khánh Sơn và Ninh Hoà)																	
	- KP trưng cầu giám định đối với các vụ việc có dấu hiệu hình sự																	
4.1.5	**Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**	**4.746**														**4.746**		
4.1.5.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.030**														**2.030**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.337														1.337		
	- Kinh phí HĐLĐ	125														125		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	568														568		
4.1.5.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	706														706		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	278														278		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	428														428		
4.1.5.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.010**														**2.010**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	20														20		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	134														134		
	- KP đề án phát triển, nhân rộng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông, lâm thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	530														530		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- KP Trang phục thanh tra chuyên ngành																	
	- KP thực hiện công tác kiểm tra tuyên truyền QLCL NLSTS	1.300														1.300		
	- KP mua sắm thiết bị (máy điều hòa nhiệt độ)																	
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
4.1.6	**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**	**4.052**														**4.052**		
4.1.6.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.814**														**2.814**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.889														1.889		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	779														779		
4.1.6.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.000**														**1.000**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	393														393		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	607														607		
4.1.6.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**238**														**238**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	26														26		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	186														186		
	- KP Trang phục thanh tra chuyên ngành																	
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
4.1.7	**Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**	**3.361**														**3.361**		
4.1.7.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.364**														**2.364**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.524														1.524		
	- Kinh phí HĐLĐ	187														187		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	653														653		
4.1.7.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**804**														**804**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	317														317		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	487														487		
4.1.7.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**193**														**193**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	23														23		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	144														144		
	- KP Trang phục thanh tra chuyên ngành																	
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
4.1.8	**Chi cục Thủy sản**	**4.383**														**4.383**		
4.1.8.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.264**														**3.264**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.747														1.747		
	- Kinh phí HĐLĐ	738														738		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	779														779		
4.1.8.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**918**														**918**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	363														363		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	555														555		
4.1.8.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**201**														**201**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	36														36		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	139														139		
	- Trang phục thanh tra chuyên ngành																	
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
	- KP mua sắm thiết bị (máy lạnh hội trường lớn khu liên cơ và phòng họp)																	
4.1.9	**Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà**	**1.825**														**1.825**		
4.1.9.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.213**														**1.213**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	860														860		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	353														353		
4.1.9.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**456**														**456**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	179														179		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	277														277		
4.1.9.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**156**														**156**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10														10		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	70														70		
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26														26		
	- KP mua sắm trang phục	50														50		
4.2	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**115.475**										**115.475**			**115.475**			
4.2.1	**Nông nghiệp**	**30.912**										**30.912**			**30.912**			
4.2.1.1	**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**	**11.087**										**11.087**			**11.087**			
4.2.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**4.398**										**4.398**			**4.398**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.118										3.118			3.118			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.280										1.280			1.280			
4.2.1.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**																	
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP																	
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP																	
4.2.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**6.689**										**6.689**			**6.689**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	52										52			52			
	- Kinh phí phòng chống dịch	6.000										6.000			6.000			
	- KP thuê nhà trạm	90										90			90			
	- KP hỗ trợ viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	22										22			22			
	- Kinh phí quản lý giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi và cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	160										160			160			
	- Kinh phi duy trì ISO trạm CĐXN	95										95			95			
	- KP giám sát vệ sinh thú y, phân tích các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm; Tăng cường năng lực hệ thống quản lý thuốc thú y; Giám sát chất lượng thú y; Giám sát sử dụng kháng sinh và kháng thuốc trong chăn nuôi thú y	270										270			270			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
4.2.1.2	**Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật**	**5.774**										**5.774**			**5.774**			
4.2.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.557**										**2.557**			**2.557**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.821										1.821			1.821			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	736										736			736			
4.2.1.2.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**865**										**865**			**865**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	379										379			379			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	486										486			486			
4.2.1.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.352**										**2.352**			**2.352**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	30										30			30			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	174										174			174			
	- KP thúc đẩy ứng dụng Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	800										800			800			
	- KP thuê nhà trạm	48										48			48			
	- KP chương trình tập huấn sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả; Quy trình kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng chủ lực	300										300			300			
	- KP tuyên truyền và kiểm tra, giám sát về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh	600										600			600			
	- KP phát triển sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ năm 2025 trên địa bàn tỉnh	400										400			400			
	- KP mua xe ô tô bán tải (2 cầu)																	
	- KP mua sắm (máy điều hoà nhiệt độ, photocopy)																	
4.2.1.3	**Trung tâm Khuyến nông**	**13.983**										**13.983**			**13.983**			
4.2.1.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.667**										**5.667**			**5.667**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.794										3.794			3.794			
	- Kinh phí HĐLĐ	209										209			209			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.664										1.664			1.664			
4.2.1.3.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.998**										**1.998**			**1.998**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	789										789			789			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	1.209										1.209			1.209			
4.2.1.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**6.318**										**6.318**			**6.318**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	72										72			72			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	420										420			420			
	- KP Chương trình khuyến nông (bổ sung kinh phí do lồng ghép thực hiện chương trình rau an toàn, cây công nghiệp chủ lực)	5.800										5.800			5.800			
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26										26			26			
	- KP sửa chữa, nạo vét ao đìa trại Ninh Lộc																	
	- KP mua sắm thiết bị: Máy photocopy, máy lạnh phòng họp																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
4.2.1.4	**Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (Đơn vị tự chủ chi thường xuyên - Loại 2)**	47										47			47			
4.2.1.4.1	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	47										47			47			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	47										47			47			
4.2.1.5	**Trung tâm Nông nghiệp Công nghệ cao (Đơn vị tự chủ chi thường xuyên - Loại 2)**	21										21			21			
4.2.1.5.1	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	21										21			21			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	21										21			21			
4.2.2	**Lâm nghiệp**	33.870										33.870			33.870			
4.2.2.1	**BQL rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa**	6.901										6.901			6.901			
4.2.2.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	4.236										4.236			4.236			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.877										2.877			2.877			
	- Kinh phí HĐLĐ	271										271			271			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.088										1.088			1.088			
4.2.2.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	1.533										1.533			1.533			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	599										599			599			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	934										934			934			
4.2.2.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	1.132										1.132			1.132			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	49										49			49			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	233										233			233			
	- KP Phòng cháy chữa cháy rừng	600										600			600			
	- Kinh phí mua sắm công cụ PPCR	80										80			80			
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26										26			26			
	- KP mua máy photocopy																	
	- KP thuê nhà làm việc Ban quản lý	144										144			144			
4.2.2.2	**BQL rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa**	7.519										7.519			7.519			
4.2.2.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	5.884										5.884			5.884			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.898										4.898			4.898			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	986										986			986			
4.2.2.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	494										494			494			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP																	
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	494										494			494			
4.2.2.2.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	1.141										1.141			1.141			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	79										79			79			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	423										423			423			
	- KP phòng chống cháy rừng	500										500			500			
	- Kinh phí mua sắm công cụ PPCR	55										55			55			
	- KP khoán bảo vệ rừng Căm Xe	58										58			58			
	- KP bồi dưỡng người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	26										26			26			
4.2.2.3	**Văn phòng Sở**	18.000										18.000			18.000			
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.000										18.000			18.000			
	KP đặt hàng cty Trầm Hương	9.000										9.000			9.000			
	KP đặt hàng cty Lâm sản	9.000										9.000			9.000			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
4.2.2.4	Chi cục Kiểm lâm:	1.450										1.450			1.450			
	- KP Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	50										50			50			
	- Phòng chống cháy rừng	1.400										1.400			1.400			
4.2.3	Thủy lợi	36.298										36.298			36.298			
4.2.3.1	Chi cục Thủy Lợi	3.700										3.700			3.700			
	- KP xây dựng thiết kế mẫu các công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (GĐ 2023-2024)																	
	- KP công tác thu thập, cập nhật số liệu Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh	700										700			700			
	- KP xây dựng Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực Sông Cái - Nha Trang (giai đoạn 2024-2025)	3.000										3.000			3.000			
	- KP xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng chống thiên tai; cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi Khánh Hòa																	
	- KP xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nước, kế hoạch sử dụng nước																	
4.2.3.2	Văn phòng Sở	30.943										30.943			30.943			
	- KP đặt hàng công ty khai thác thủy lợi	30.943										30.943			30.943			
4.2.3.3	BCH PCTT và TKCN	1.655										1.655			1.655			
	Văn phòng BCH	1.655										1.655			1.655			
4.2.4	Thủy sản	12.348										12.348			12.348			
4.2.4.1	Chi cục Thủy sản	12.191										12.191			12.191			
4.2.4.1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.852										3.852			3.852			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.572										2.572			2.572			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.280										1.280			1.280			
4.2.4.1.2	Kinh phí thực hiện CCTL																	
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP																	
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP																	
4.2.4.1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.339										8.339			8.339			
	- KP hỗ trợ lễ, Tết Nguyên Đán	52										52			52			
	- KP thực hiện chính sách theo QĐ 48/2010/QĐ-TTG	300										300			300			
	- KP tuyên truyền nâng cao nhận thức theo KH 10823/KH-UBND ngày 28/10/2021 (KH triển khai chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030)	100										100			100			
	- KP tuyên truyền, tập huấn, điều tra sản lượng khai thác	57										57			57			
	- KP chỉ thị 01, chương trình kinh tế biển	219										219			219			
	- KP chế độ bồi dưỡng đi biển	362										362			362			
	- KP xăng dầu tuần tra	3.240										3.240			3.240			
	- KP mua bảo hiểm tàu	285										285			285			
	- KP chỉ thị 689	186										186			186			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- KP hoạt động 4 văn phòng thanh tra, kiểm soát nghề cá	600										600			600			
	- KP thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản	100										100			100			
	- KP Trang phục cho lực lượng kiểm ngư theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 (35 người)	180										180			180			
	- KP lên đà bảo dưỡng định kỳ và SC 2 tàu kiểm ngư	186										186			186			
	- KP hỗ trợ viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	22										22			22			
	- KP triển khai thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lộng	2.450										2.450			2.450			
4.2.4.2	**Văn phòng Sở**																	
	- KP đặt hàng bảo trí khu neo đậu tránh trú bão Ninh Hải																	
4.2.4.3	**Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thuỷ sản**	**157**										**157**			**157**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	157										157			157			
4.2.5	**Chương trình Nông thôn mới (hoạt động của Văn phòng điều phối)**	**2.047**										**2.047**			**2.047**			
4.2.5.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**760**										**760**			**760**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	443										443			443			
	- Kinh phí HĐLĐ	125										125			125			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	192										192			192			
4.2.5.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**234**										**234**			**234**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	92										92			92			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	142										142			142			
4.2.5.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.053**										**1.053**			**1.053**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10										10			10			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	53										53			53			
	- Hoạt động BCĐ Chương trình nông thôn mới																	
	- Kp đào tạo tập huấn	150										150			150			
	- Kp tuyên truyền	140										140			140			
	- KP quản lý, điều hành chương trình nông thôn mới	700										700			700			
4.3	**Sự nghiệp môi trường (BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà)**	**5.317**									**5.317**							
4.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.397**									**3.397**							
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.292									2.292							
	- Kinh phí HĐLĐ	209									209							
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	896									896							
4.3.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.218**									**1.218**							
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	477									477							
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	741									741							
4.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	702									702							

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	40									40							
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	246									246							
	- Kinh phí phòng cháy chữa cháy rừng	376									376							
	- KP thực hiện nhiệm vụ về nghiên cứu khoa học và bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học	40									40							
	- Kinh phí mua sắm máy photocopy																	
4.4	**Sự nghiệp đào tạo**	**55**			**55**													
4.4.1	**Văn phòng Sở**	**55**			**55**													
	- KP đào tạo nghề nông thôn	55			55													
5	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**14.783**										**4.145**			**4.145**	**10.638**		
5.1	**Chi quản lý hành chính**	**10.638**														**10.638**		
5.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**6.655**														**6.655**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.533														4.533		
	- Kinh phí HĐLĐ	271														271		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP của 2 HĐ đường dây nóng của tỉnh																	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.851														1.851		
5.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**2.401**														**2.401**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	943														943		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	1.458														1.458		
5.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.582**														**1.582**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	57														57		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	426														426		
	- Trang phục thanh tra viên (4 người)	30														30		
	- Tiêu chí bổ sung	200														200		
	- Thù lao nhuận bút	200														200		
	- KP duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống QLCL ISO TCVN 2001-2008 hàng năm	15														15		
	- Kinh phí xây dựng mở rộng hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001	40														40		
	- Kinh phí mua xe ô tô dùng chung 07 chỗ 2 cầu																	
	- Kinh phí chi hỗ trợ cho công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	44														44		
	- Kinh phí xây dựng VB QPPL	30														30		
	- Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng																	
	- Kinh phí tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, giám sát đánh giá dự án đầu tư, phổ biến Luật Đầu tư theo đối tác công tư và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan...	400														400		
	- Kinh phí kiểm tra hoạt động đấu thầu	40														40		
	- Kinh phí Nâng cấp hệ thống bảo mật mạng máy chủ, máy trạm đảm bảo an toàn thông tin mạng của Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2025																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chi từ công tác xử phạt hành chính																	
	- Kinh phí Tổ điều phối vùng theo QĐ số 1809/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	100														100		
5.2	**Kinh phí sự nghiệp (Trung tâm xúc tiến đầu tư)**	**4.145**										**4.145**			**4.145**			
5.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.864**										**1.864**			**1.864**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.185										1.185			1.185			
	- Kinh phí HĐLĐ	135										135			135			
	- Kinh phí hoạt động định mức	544										544			544			
5.2.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**622**										**622**			**622**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	247										247			247			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	375										375			375			
5.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.659**										**1.659**			**1.659**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	25										25			25			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP																	
	- Sao chép đĩa USB, chỉnh sửa, cập nhật nội dung video	120										120			120			
	- Giới thiệu hình ảnh, thông tin của tỉnh trên báo chí	33										33			33			
	- Biên tập, in ấn, dịch tài liệu sang tiếng nước ngoài	200										200			200			
	- Kinh phí hội nghị, hội thảo, tập huấn, học tập kinh nghiệm, gian hàng, hội chợ, phiên dịch...phục vụ công tác kêu gọi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	600										600			600			
	- Tiền nhuận bút,... đưa tin lên trang web của Sở KHĐT	100										100			100			
	- Tiền thù lao, nhuận bút, đưa tin lên Cổng thông tin Xúc tiến Đầu tư Khánh Hoà	100										100			100			
	- Kinh phí tổ chức hội nghị đối thoại doanh nghiệp, cà phê doanh nhân, gặp gỡ doanh nghiệp	350										350			350			
6	**Sở Tư pháp**	**14.489**										**4.434**			**4.434**	**10.055**		
6.1	**Chi quản lý hành chính**	**10.055**														**10.055**		
6.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**4.733**														**4.733**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.280														3.280		
	- Kinh phí HĐLĐ	142														142		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.311														1.311		
6.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.740**														**1.740**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	682														682		
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	1.058														1.058		
6.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**3.582**														**3.582**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	39														39		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	306														306		
	- Kinh phí phổ biến pháp luật	1.277														1.277		
	- Kinh phí hỗ trợ chế độ thù lao, nhuận bút	50														50		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí thẩm định văn bản	258														258		
	- Kinh phí Ban chỉ đạo Trợ giúp pháp lý	100														100		
	- Chi đoàn ra, đoàn vào (Đoàn Lào)	350														350		
	- Mua trang thiết bị hỗ trợ cho Lào	350														350		
	- Hoạt động thanh tra (Thanh tra chuyên đề, phụ cấp, trang phục,,)	100														100		
	- Kinh phí Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	180														180		
	-Hoạt động Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi	255														255		
	- Hoạt động bồi thường NN, giao dịch bảo đảm	111														111		
	- Kinh phí xử lý thông tin lý lịch tư pháp tồn đọng	96														96		
	- Hoạt động bổ trợ tư pháp	110														110		
	- H/động kiểm soát TTHC -cán bộ đầu mối																	
	- Đề án nâng cấp Hệ thống dữ liệu Công chứng																	
	- Công tác CCHC																	
	-KP duy trì trang thông tin điện tử PBGDPL																	
6.2	**Chi sự nghiệp**	**4.434**										**4.434**			**4.434**			
6.2.1	**Trung tâm trợ giúp pháp lý**	**3.202**										**3.202**			**3.202**			
6.2.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.808**										**1.808**			**1.808**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.171										1.171			1.171			
	- Kinh phí HĐLĐ	125										125			125			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	512										512			512			
6.2.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**617**										**617**			**617**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	244										244			244			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	373										373			373			
6.2.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**777**										**777**			**777**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	23										23			23			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	84										84			84			
	- Hoạt động TGPL theo 10/2018/ TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC	220										220			220			
	- Kế hoạch 4692/KH-UBND cho người khuyết tật	120										120			120			
	- Hoạt động theo Thông tư 59/2020/TT-BTC	280										280			280			
	-Trang phục cho Trợ giúp viên	50										50			50			
	-KP mua sắm phục vụ công tác (máy điều hòa, máy tính,bàn ghế họp)																	
6.2.2	**Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản**	**1.216**										**1.216**			**1.216**			
6.2.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**801**										**801**			**801**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	665										665			665			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	136										136			136			
6.2.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**365**										**365**			**365**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	138										138			138			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi, thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- BS tiền lương theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	227										227			227			
6.2.2.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**50**										**50**			**50**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10										10			10			
	-Hoạt động mua sắm tập trung	40										40			40			
	- Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ công tác																	
6.2.3	**Phòng công chứng số 01**	**16**										**16**			**16**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	16										16			16			
7	**Sở Công thương**	**13.263**										**4.936**			**4.936**	**8.327**		
7.1	**Chi quản lý hành chính**	**8.327**														**8.327**		
7.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.301**														**5.301**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.664														3.664		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.491														1.491		
7.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.090**														**2.090**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	762														762		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.328														1.328		
7.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**936**														**936**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	44														44		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	341														341		
	- Trang phục thanh tra	23														23		
	- Hội nhập kinh tế quốc tế	100														100		
	- Thương mại điện tử	125														125		
	- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	94														94		
	- Kinh phí chi trả nhuận bút, thù lao tin bài trang thông tin điện tử	45														45		
	- Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh	50														50		
	- Kinh phí chi bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	32														32		
	- Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra các doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	26														26		
	- Kinh phí tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ kỹ thuật lấy mẫu thực phẩm cho cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm ngành công thương																	
	- Kinh phí tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	16														16		
	- Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp																	
	- Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra an toàn đập, hồ chứa thủy điện	11														11		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra các doanh nghiệp trong hoạt động hóa chất	7														7		
	- Kinh phí tổ chức tập huấn an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm ngành công thương																	
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức về an toàn hóa chất cho các doanh nghiệp hoạt động hóa chất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa																	
	- Kinh phí tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ làm công tác khuyến công																	
	- Kinh phí hỗ trợ cho công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	22														22		
	- Thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính																	
	- Tổ chức đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa																	
7.2	**Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại**	**4.936**										**4.936**			**4.936**			
7.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.955**										**1.955**			**1.955**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.598										1.598			1.598			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	357										357			357			
7.2.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.981**										**2.981**			**2.981**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	27										27			27			
	- Kinh phí xúc tiến thương mại	1.303										1.303			1.303			
	- Kinh phí khuyến công địa phương	1.428										1.428			1.428			
	Kinh phí công nghiệp hỗ trợ	170										170			170			
	Kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động của Cụm công nghiệp Diên Phú	53										53			53			
8	**Sở Khoa học công nghệ**	**41.205**				**33.350**										**7.855**		
8.1	**Chi quản lý hành chính**	**7.855**														**7.855**		
8.1.1	**Văn phòng Sở (nhập Chi cục TCĐLCL)**	**7.855**														**7.855**		
8.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.349**														**5.349**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.565														3.565		
	- Kinh phí HĐLĐ	293														293		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.491														1.491		
8.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.034**														**2.034**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	742														742		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.292														1.292		
8.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**472**														**472**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	47														47		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	348														348		
	- Trang phục thanh tra	25														25		
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	30														30		
	- KP trang bị mua sắm máy lạnh																	
	- Nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số																	
	+ Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của sở KHCN																	
	+ Xây dựng và áp dụng hệ thống ISO điện tử cho các CQHCNN các cấp trong tỉnh Khánh Hòa																	
	- Chi hỗ trợ CCVC làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh	22														22		
8.1.2	**Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng**																	
8.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP																	
	- Kinh phí HĐLĐ																	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức																	
8.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP																	
8.1.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**																	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán																	
8.2	**Chi sự nghiệp khoa học công nghệ**	**33.350**				**33.350**												
8.2.1	**Văn phòng Sở**	**24.819**				**24.819**												
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	24.819				24.819												
	- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ	150				150												
	- Hội nghị, hội thảo lĩnh vực KHCN	100				100												
	- Thanh tra hành chính	2				2												
	- Thanh tra chuyên ngành	150				150												
	- Giải quyết đơn thư	10				10												
	- Chế độ tiếp công dân theo NQ 09/2017	25				25												
	- Quản lý Sở hữu trí tuệ (SHTT)	3.813				3.813												
	- Quản lý An toàn bức xạ hạt nhân	50				50												
	- Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST	465				465												
	- Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ đổi mới sáng tạo	450				450												
	- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (đề tài/dự án KH&CN)	8.300				8.300												
	- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (Sở, ban, ngành thực hiện)	700				700												
	- Chi Hội đồng KH tỉnh và hoạt động quản lý đề tài/ dự án	2.000				2.000												
	- Chi hỗ trợ hoạt động KH&CN cấp cơ sở và các Đoàn, Hội....	350				350												

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chi khác (hỗ trợ Hội thi sáng tạo KHKT tỉnh; chi hoạt động tư vấn, phản biện xã hội của Liên hiệp hội)	2.239				2.239												
	- Chi sự nghiệp khoa học khác	6.015				6.015												
8.2.2	**Phòng tiêu chuẩn đo lường chất lượng**	**4.463**				**4.463**												
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**4.463**				**4.463**												
	- Công tác xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) trong các cơ quan hành chính nhà nước (HCNN)	126				126												
	- Hoạt động nâng cao năng suất chất lượng	425				425												
	- Hoạt động xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật Địa phương (Dự án Quy chuẩn nước sạch)	3.312				3.312												
	- Hoạt động truy xuất nguồn gốc (TXNG) cho sản phẩm hàng hóa																	
	- Công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng	57				57												
	- Công tác quản lý đo lường	11				11												
	- Công tác kiểm tra, kiểm soát	304				304												
	- Hoạt động thực thi về TBT trong các điều ước quốc tế tại Khánh Hòa	81				81												
	- Hoạt động hỗ trợ đo lường (Đề án 996)	60				60												
	- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức	84				84												
	- Tổ chức Tuyên truyền, phổ biến VBQPPL về chất lượng cho DN	3				3												
8.2.3	**Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KHKT**	**4.046**				**4.046**												
8.2.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.144**				**1.144**												
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	940				940												
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	204				204												
8.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**537**				**537**												
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	196				196												
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	341				341												
8.2.3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.365**				**2.365**												
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	21				21												
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	116				116												
	- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	100				100												
	- Tuyên truyền phổ biến các kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và các tiến bộ khoa học kỹ thuật	511				511												
	- Kết nối cung cầu và tư vấn chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	406				406												
	- Thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ	935				935												

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Tính toán Năng suất lao động, TFP, đánh giá mức độ tăng trưởng và đề xuất giải pháp để nâng cao các chỉ tiêu năng suất	111				111												
	- Tổ chức kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ VN (ngày 18/5)	165				165												
	- Nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số theo QĐ 1495 ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh: Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành khoa học và công nghệ, các công cụ quản lý, khai thác phục vụ quá trình chuyển đổi số																	
8.2.4	**Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng**	**22**				**22**												
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**22**				**22**												
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	22				22												
8.3	**Sự nghiệp khác**																	
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ XPVPHC																	
9	**Sở Tài chính**	**15.039**														**15.039**		
9.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**8.179**														**8.179**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.267														5.267		
	- Kinh phí HĐLĐ	456														456		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.456														2.456		
9.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.759**														**2.759**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.096														1.096		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.663														1.663		
9.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**4.101**														**4.101**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	77														77		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	456														456		
	- Chi tiền nhuận bút viết tin, bài lên Cổng thông tin điện tử của Sở	70														70		
	- Khóa sổ và quyết toán ngân sách	250														250		
	- Kinh phí công tác xác định giá đất và Hội đồng thẩm định giá đất	810														810		
	- Chi thuê tư vấn xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm																	
	- Kinh phí thuê máy chủ ảo vận hành phần mềm CSDL về giá tại địa phương	30														30		
	- Kinh phí phục vụ cho Hội đồng tố tụng hình sự	70														70		
	- Trang phục thanh tra	50														50		
	- Tiêu chí bổ sung	200														200		
	- Kinh phí thu thập, báo cáo giá thị trường	15														15		
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	210														210		
	- Kinh phí xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	5														5		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí bảo trì phần mềm QLNS Dự án đầu tư Pabmis	330														330		
	- Kinh phí bồi dưỡng tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	33														33		
	- Kinh phí trang bị các thiết bị công nghệ thông tin	25														25		
	Bảo trì phần mềm nhắc việc	30														30		
	Kinh phí trang bị phương tiện làm việc cho 01 Phó Giám đốc Sở	45														45		
	Kinh phí sửa chữa phòng làm việc dãy nhà B và tường rào																	
	Kinh phí xây dựng phần mềm xác định giá đất theo phương pháp thặng dư	660														660		
	Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá để bán đấu giá tài sản (Yến sào, tài sản khác thuộc tài sản công theo quy định)	100														100		
	Bảo trì phần mềm quản lý tiền lương cho các đơn vị thuộc tỉnh	635														635		
10	**Sở Xây dựng**	**14.898**										**925**			**925**	**13.973**		
10.1	**Văn phòng Sở**	**13.973**														**13.973**		
10.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**8.296**														**8.296**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.697														5.697		
	- Kinh phí HĐLĐ	230														230		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.369														2.369		
10.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**3.250**														**3.250**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.185														1.185		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	2.065														2.065		
10.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.427**														**2.427**		
	- Bổ sung chế độ lễ, tết Nguyên Đán	72														72		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	526														526		
	- Trang phục Thanh tra	70														70		
	- Bồi dưỡng CBCC làm công tác tiếp công dân theo Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND	50														50		
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh KH theo NQ số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Khánh Hòa(01 ng * 1,8 tháng * 12 tháng)	22														22		
	- Kinh phí lập và công bố chỉ số giá xây dựng	400														400		
	- Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo chính sách nhà ở và Thị trường BĐS	50														50		
	- Kinh phí của Hội đồng xác định giá bán nhà ở cũ	12														12		
	- Kinh phí Hội đồng xét cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng cho các tổ chức và cá nhân	25														25		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2030 (lần thứ 3)																	
	- Kinh phí Tư vấn khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng, đơn giá ca máy và thiết bị thi công																	
	- Kinh phi Đề án xác định chỉ số giá giao dịch và chỉ số lượng giao dịch một số loại bất động sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	1.200														1.200		
	- Thu thập bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Khánh Hòa																	
	- Kinh phí Lập Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030																	
	- Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa năm 2025																	
	Phụ cấp cấp ủy Đăng (0,3 * 2,34 * 03ng * 12thang)																	
10.2	**Thanh tra Sở Xây dựng**																	
10.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP																	
	- Kinh phí HĐLĐ																	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức																	
10.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP																	
10.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**																	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán																	
	- Trang phục Thanh tra																	
	- Bồi dưỡng CBCC làm công tác tiếp công dân theo Nghị quyết 09/2017/NQ-HĐND																	
10.3	**Trung tâm quản lý nhà và chung cư (KTX sinh viên và KTX Y tế)**	**882**										**882**			**882**			
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**882**										**882**			**882**			
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ KTX Sinh viên tại Nha Trang và KTX Trường CĐ Y tế, các khoản chi điện, nước, văn phòng phẩm, vệ sinh dịch tễ …	849										849			849			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	33										33			33			
	- Kinh phí điện, nước, VPP, vệ sinh dịch tễ																	
10.4	**Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng**	**43**										**43**			**43**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	43										43			43			
10.5	**Sự nghiệp khác**																	
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ XPVPHC																	
11	**Sở Giao thông Vận tải**	**74.404**										**54.415**	**54.415**			**19.989**		
11.1	**Chi quản lý nhà nước**	**19.989**														**19.989**		
11.1.1	**Văn phòng Sở**	**10.371**														**10.371**		
11.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.510**														**5.510**		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.675														3.675		
	- Kinh phí HĐLĐ	209														209		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.626														1.626		
11.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP																	
11.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**4.861**														**4.861**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	46														46		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	250														250		
	- Chế độ hỗ trợ bộ phận 1 cửa TT Hành chính công	22														22		
	- KP Đội bảo vệ Khu liên cơ 2 (gồm lễ, tết, điện, nước...)	1.136														1.136		
	- Kinh phí ứng phó sự cố, đảm bảo an toàn thông tin mạng	90														90		
	- Chế độ hỗ trợ kinh phí tiếp công dân	26														26		
	- Chế độ thù lao, nhuận bút trang thông tin điện tử	25														25		
	- Mua sắm tài sản: Mua 01 máy in giấy phép lái xe																	
	- Mua sắm tài sản: Mua mới trang thiết bị hệ thống thông tin máy chủ đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ 2																	
	- Phương án chi tiết phát triển hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	500														500		
	- Xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu hiện trạng hạ tầng giao thông																	
	- Kinh phí giao phục vụ thu lệ phí	2.766														2.766		
11.1.2	**Thanh tra giao thông**	**7.314**														**7.314**		
11.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.035**														**5.035**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.464														3.464		
	- Kinh phí HĐLĐ	504														504		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.067														1.067		
11.1.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.869**														**1.869**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	721														721		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.148														1.148		
11.1.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**410**														**410**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	44														44		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	287														287		
	- Trang phục thanh tra	79														79		
	- Kinh phí ATGT																	
11.1.3	**Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới**	**49**														**49**		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	49														49		
11.1.4	**Ban Quản lý Bảo trì công trình giao thông Khánh Hòa**	**23**														**23**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	23														23		
11.1.5	**Cảng vụ đường thủy nội địa**	**2.232**														**2.232**		
11.1.5.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.501**														**1.501**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP (công chức)	773														773		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP (viên chức)	279														279		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	449														449		
11.1.5.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**555**														**555**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	219														219		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	336														336		
11.1.5.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**176**														**176**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	14														14		
	- Trang phục ngành	162														162		
11.2	**Sự nghiệp giao thông**	**54.415**										**54.415**	**54.415**					
	- Sửa chữa bão dưỡng thường xuyên đường tỉnh	40.000										40.000	40.000					
	- Kinh phí thực hiện trợ giá hoạt động 8 tuyến xe buýt và hỗ trợ giá vé cho các đối tượng ưu tiên	14.415										14.415	14.415					
12	**Sở Giáo dục Đào tạo**	**539.525**			**527.967**													
12.1	**Chi quản lý hành chính**	**11.558**														**11.558**		
12.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**7.792**														**11.558**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.536														7.792		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														5.536		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.110														146		
12.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.947**														2.110		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	941														**2.947**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	2.006														941		
12.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**819**														2.006		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	62														819		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	497														62		
	- Kinh phí trang phục thanh tra	10														497		
	- Thù lao cung cấp thông tin Website	250														10		
	- Công tác PCCC															250		
	- Tổ chức đánh giá an toàn hệ thống thông tin tại cơ quan Sở (KH 2517/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh)																	
	Trang bị phần mềm virus cho cơ quan Sở																	
	- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chế độ phụ cấp chuyên viên làm công tác pháp chế																	
12.2	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**525.767**			**525.767**													
12.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**307.390**			**307.390**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	267.662			267.662													
	- Kinh phí HĐLĐ	7.176			7.176													
	- Kinh phí đào tạo	32.552			32.552													
	Địa bàn TP, TX & các Huyện đồng bằng																	
	- Trung học phổ thông																	
	- Trung học phổ thông chuyên																	
	- Giáo dục hướng nghiệp																	
	- Giáo dục thường xuyên																	
	Địa bàn huyện Khánh Vĩnh																	
	- Trung học phổ thông																	
	Địa bàn huyện Khánh Sơn																	
	- Trung học phổ thông																	
	Trường phổ thông dân tộc nội trú																	
	- Học sinh dân tộc nội trú																	
	- Học sinh năng khiếu TDTT (Đồng bằng)																	
12.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**141.606**			**141.606**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	55.688			55.688													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	85.918			85.918													
12.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	76.771			76.771													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	2.791			2.791													
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	22.427			22.427													
	- Chi hoạt động toàn ngành (bao gồm trang thiết bị dạy giáo dục AN-QP), các khoản phục vụ hội đồng thi tốt nghiệp THPT, THCS	13.500			13.500													
	- Học bổng học sinh DTTS đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng (NQ 17/2012/NQ-HĐND)	1.500			1.500													
	- Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh dân tộc nội trú (trường chuyên biệt)	2.800			2.800													
	- Cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 (thay thế NĐ 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ) và NQ 32/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND	942			942													
	- Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	3.193			3.193													
	- Học bổng học sinh (NQ 17/2012/NQ-HĐND)	9.319			9.319													
	- Hỗ trợ trang phục cho học sinh dân tộc nội trú (NQ 17/2012/NQ-HĐND)	109			109													

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Trang bị ban đầu cho học sinh dân tộc nội trú (TTLT 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT)	594			594													
	- Hỗ trợ kinh phí cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo NĐ 116/2016 (tiền ăn 40% lương cơ sở, tiền nhà 10% lương cơ sở, nhu cầu gạo 15 kg/tháng)	5.718			5.718													
	- Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo TTLT 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	1.000			1.000													
	- Chính sách ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật (Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ)	4.373			4.373													
	- Kinh phí biên soạn chương trình giáo dục phổ thông theo TT 51/2019/TT-BTC	1.335			1.335													
	- Kinh phí hoạt động PCCC các đơn vị trực thuộc Sở (Điều 48 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của CP)	320			320													
	- Đề án Sữa học đường tại huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2024-2030 (NQ 130/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh)	6.850			6.850													
12.3	**Chi sự nghiệp đào tạo**	**2.200**			**2.200**													
	- Chi đào tạo ngành giáo dục (bao gồm hỗ trợ luận văn thạc sĩ, tiến sĩ)	2.200			2.200													
13	**Trường Đại học Khánh Hòa**	**43.046**			**43.046**													
13.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**35.212**			**35.212**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	29.600			29.600													
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	5.612			5.612													
	+ Ngành Sư phạm																	
	++ Hệ đại học																	
	++ Hệ cao đẳng																	
	+ Ngành nghệ thuật																	
	++ Hệ cao đẳng																	
	++ Hệ sơ trung cấp																	
	+ Ngành Văn hóa và Du lịch																	
	++ Hệ đại học																	
	++ Hệ cao đẳng																	
13.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**7.834**			**7.834**													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	358			358													
	- Kinh phí thực hiện NĐ 81/2022/NĐ-CP	534			534													
	- Kinh phí học bổng dân tộc thiểu số theo NQ17/2012 (840.000 đồng/SV/tháng)	349			349													
	- Kinh phí biểu diễn nghệ thuật đường phố																	
	- Kinh phí hỗ trợ chi phí sinh hoạt sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP	3.594			3.594													
	- Kinh phí biểu diễn phục vụ kiều bào tết nguyên đán	65			65													

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chính sách nội trú cho sinh viên theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015	89			89													
	- Kinh phí cho sinh viên Lào	2.845			2.845													
	- Kinh phí đoàn ra - đoàn vào																	
	- Đề án nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Khánh Hòa giai đoạn 2023-2025																	
14	**Trường Cao đẳng y tế**	**25.064**			**25.064**													
14.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**12.849**			**12.849**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	9.538			9.538													
	- Kinh phí đào tạo theo định mức	3.311			3.311													
	+ Hệ Cao đẳng																	
	+ Hệ Trung cấp																	
14.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**12.215**			**12.215**													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	122			122													
	- Cấp bù học phí DTTS theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	906			906													
	- Giảm học phí ngành nghề độc hại theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	8.942			8.942													
	- Chính sách nội trú cho sinh viên theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015	1.699			1.699													
	- Kinh phí thuê dịch vụ bảo vệ cơ sở Hòn Nghê (lý do: Giao tại QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 nhưng chưa đưa vào hoạt động) và cơ sở thực hành 27 Phan Chu Trinh chưa triển khai được Phòng khám nên chưa có nguồn thu)	546			546													
	- Kinh phí Sự nghiệp khoa học và công nghệ																	
15	**Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang**	**45.606**			**45.606**													
15.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**26.122**			**26.122**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	15.287			15.287													
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	10.835			10.835													
	+ Kinh phí đào tạo hệ trung cấp																	
	+ Kinh phí đào tạo hệ cao đẳng																	
	+ Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông																	
15.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**19.484**			**19.484**													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	174			174													
	- Kinh phí học bổng dân tộc thiểu số theo NQ17/2012 (840.000 đồng/SV/tháng)	252			252													
	- Kinh phí cấp bù học phí (NĐ 81/2021/NĐ-CP)	18.190			18.190													
	- Cấp bù chính sách nội trú HSSV theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015	842			842													
	- Cấp bù chế độ trợ cấp xã hội đối với HSSV theo Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021	26			26													

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí sửa chữa lớn, sửa chữa mái khối nhà hiệu bộ, khối nhà học 1 và các nhà xưởng																	
	- Kinh phí sửa chữa lớn, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy tự động tại nhà Hiệu bộ, khối nhà học 1, nhà thi đấu đa năng và các nhà xưởng																	
	- Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo																	
	- Kinh phí an ninh mạng, an toàn dữ liệu																	
	- Kinh phí bảo trì hệ thống Phần mềm quản trị nhà trường																	
	- Kinh phí xây dựng, biên soạn chương trình đào tạo																	
	- Xây dựng Đề án tự chủ giai đoạn 2024-2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang																	
16	**Sở Y tế**	**416.819**					**402.855**				**400**					**13.564**		
16.1	**Chi quản lý hành chính**	**13.564**														**13.564**		
16.1.1	**Văn phòng Sở Y tế**	**7.354**														**7.354**		
16.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.146**														**5.146**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.509														3.509		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.491														1.491		
16.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.115**														**1.115**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.115														1.115		
16.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.093**														**1.093**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	44														44		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	329														329		
	- Vận động Viện trợ NGO	300														300		
	- Kinh phí thuê chuyên gia	200														200		
	- Vốn đối ứng CTMT																	
	- Trang phục thanh tra	50														50		
	- Bình đẳng giới	170														170		
	- Kinh phí chuyển đổi số ngành y tế																	
16.1.2	**Chi cục dân số KHH GĐ**	**2.817**														**2.817**		
16.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.801**														**1.801**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.150														1.150		
	- Kinh phí HĐLĐ	125														125		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	526														526		
16.1.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**656**														**656**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	239														239		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	417														417		
16.1.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**360**														**360**		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	18														18		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	117														117		
	- Chương trình dân số (Kinh phí ĐP)	225														225		
16.1.3	**Chi cục ATVSTP**	**3.393**														**3.393**		
16.1.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.961**														**1.961**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.310														1.310		
	- Kinh phí HĐLĐ	125														125		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	526														526		
16.1.3.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**702**														**702**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	273														273		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	429														429		
16.1.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**730**														**730**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	18														18		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	120														120		
	- Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm	592														592		
	- Trang phục thanh tra																	
16.2	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**402.855**					**402.855**											
16.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**278.723**					**278.723**											
16.2.1.1	**Hệ điều trị**	**58.745**					**58.745**											
	- Bệnh viện đa khoa Cam Ranh	5.355					5.355											
	- Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh																	
	+ Bệnh viện Da liễu	4.500					4.500											
	+ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	4.500					4.500											
	+ Bệnh viện Chuyên khoa tâm thần	5.250					5.250											
	+ Bệnh viện bệnh Nhiệt đới	2.900					2.900											
	+ Bệnh viện Ung bướu	9.000					9.000											
	+ Bệnh viện đa khoa Yersin	5.800					5.800											
	+ Trung tâm Y tế Nha Trang (Bệnh viện và Phòn																	
	+ Trung tâm Y tế Cam Ranh (Bệnh viện và Phòn	760					760											
	+ Trung tâm Y tế Ninh Hòa (Bệnh viện và Phòng	3.080					3.080											
	+ Trung tâm Y tế Vạn Ninh (Bệnh viện và Phòng	5.100					5.100											
	+ Trung tâm Y tế Diên Khánh (Bệnh viện và Phò	3.990					3.990											
	+ Trung tâm Y tế Cam Lâm (Bệnh viện và Phòng	3.680					3.680											
	+ Trung tâm Y tế Khánh Vĩnh (Bệnh viện và Phò	2.750					2.750											
	+ Trung tâm Y tế Khánh Sơn (Bệnh viện và Phòn	2.080					2.080											
16.2.1.2	**Hệ dự phòng**	**74.890**					**74.890**											
	Trong đó: bao gồm cơ số phòng chống dịch 10%																	
16.2.1.3	**Kinh phí hoạt động công tác dân số KHHGĐ (TTYT các huyện, thị xã, thành phố)**	**1.664**					**1.664**											
16.2.1.4	**Y tế xã**	**116.784**					**116.784**											
	- Trạm y tế xã (136 xã)	108.800					108.800											
	- Phân trạm (18 trạm)	3.600					3.600											

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí hoạt động công tác dân số KHHGĐ (Trạm y tế xã, phường, thị trấn)	4.384					4.384											
16.2.1.5	**Kinh phí tiền lương cán bộ DS-KHHGĐ theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP**	**15.713**					**15.713**											
	- TTYT Nha Trang	2.916					2.916											
	- TTYT Cam Ranh	1.821					1.821											
	- TTYT Vạn Ninh	1.338					1.338											
	- TTYT Ninh Hòa	2.910					2.910											
	- TTYT Diên Khánh	2.034					2.034											
	- TTYT Cam Lâm	1.641					1.641											
	- TTYT Khánh Sơn	1.429					1.429											
	- TTYT Khánh Vĩnh	1.624					1.624											
16.2.1.6	**Kinh phí HĐLĐ**	**10.927**					**10.927**											
16.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**8.964**					**8.964**											
16.2.2.1	**- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP (Hệ dân số)**	**3.268**					**3.268**											
	- TTYT Nha Trang	607					607											
	- TTYT Cam Ranh	379					379											
	- TTYT Vạn Ninh	278					278											
	- TTYT Ninh Hòa	605					605											
	- TTYT Diên Khánh	423					423											
	- TTYT Cam Lâm	341					341											
	- TTYT Khánh Sơn	297					297											
	- TTYT Khánh Vĩnh	338					338											
16.2.2.2	**- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Hệ dân số)**	**5.696**					**5.696**											
	- TTYT Nha Trang	1.057					1.057											
	- TTYT Cam Ranh	660					660											
	- TTYT Vạn Ninh	485					485											
	- TTYT Ninh Hòa	1.055					1.055											
	- TTYT Diên Khánh	737					737											
	- TTYT Cam Lâm	595					595											
	- TTYT Khánh Sơn	518					518											
	- TTYT Khánh Vĩnh	589					589											
16.2.3	**Ngoài định mức**	**115.168**					**115.168**											
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán																	
	+ Số lượng người làm việc trong chỉ tiêu biên chế được giao	5.136					5.136											
	+ Số lượng người làm việc trong các đơn vị tự chủ	2.344					2.344											
	+ Hợp đồng lao động	224					224											
	+ Nhân viên y tế thôn bản (chi Tết 250.000 đ/người)	178					178											
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	12.274					12.274											
	- Phụ cấp y tế thôn bản																	
	+ Miền núi, vùng khó khăn (83)	1.165					1.165											
	+ Đồng bằng (629)	5.299					5.299											

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định 77/2021/NĐ-CP (TT PHCN - Giáo dục TEKT)	196					196											
	- Cộng tác viên dân số (Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)																	
	+CTV thuộc các xã Khó Khăn	633					633											
	+CTV thuộc các xã còn lại	4.157					4.157											
	- Ban bảo vệ sức khỏe tỉnh (kinh phí tiền lương)	396					396											
	- Hỗ trợ chế độ cho vùng khó khăn theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP																	
	+ TTYT Khánh Vĩnh	4.939					4.939											
	+ TTYT Khánh Sơn	10.476					10.476											
	+ TTYT Cam Lâm	218					218											
	- Chế độ trợ cấp cho CBCC, VC đang công tác tại miền núi và hảo đảo khu vực 2 và 3 (100.000 đồng/người/tháng theo Quyết định số 77/2005/QĐ-UBND ngày 27/9/2005 của UBND tỉnh)	355					355											
	- Mua sắm trang thiết bị ngành y tế	20.000					20.000											
	- TT Phục hồi chức năng - Giáo dục trẻ em khuyết tật	270					270											
	- Chương trình Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (Kế hoạch số 9458/KH-UBND ngày 19/9/2023 của UBND)	550					550											
	- Trung tâm Pháp y	671					671											
	- Trung tâm Kiểm nghiệm (lấy mẫu kiểm nghiệm)	500					500											
	- ISO cho kiểm nghiệm	180					180											
	- Kinh phí GLP kiểm nghiệm	50					50											
	- Cấp cứu 115	660					660											
	- Trung tâm Huyết học truyền máu	270					270											
	- Chương trình ISO cho Y học dự phòng	230					230											
	- Nha học đường	200					200											
	- Bảo hiểm cháy nổ	1.256					1.256											
	- Chương trình Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tỉnh Khánh Hòa (QĐ số 502/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh)	200					200											
	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú là đồng bào DTTS, người thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn tỉnh (NQ số 30/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của HĐND tỉnh)	6.166					6.166											
	- Kinh phí thực hiện Đề án "Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh" theo QĐ 1816 của Bộ Y tế	124					124											

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chế độ ưu đãi đối với cán bộ ngành y tế theo Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của HĐND tỉnh	8.876					8.876											
	- Kinh phí thực hiện Thông tư liên tịch số 42/2013TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật	160					160											
	- Kinh phí các hoạt động, nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của ngân sách địa phương (gồm: kinh phí bệnh không lây nhiễm, bệnh lây nhiễm, phòng chống HIV/IADS, truyền thông GDSK, tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng)	18.940					18.940											
	- Kinh phí thực hiện điều trị Methadone	394					394											
	- Mua thẻ bảo hiểm y tế cho bệnh nhân AIDS	161					161											
	- Kinh phí đối ứng dự án Rai3E	412					412											
	- Kinh phí thuê chuyên gia	600					600											
	- Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 4692/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh)	100					100											
	- Chương trình Chăm sóc SKSS, SKTD cho vị thành niên, thanh niên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Kế hoạch số 8738/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh)	295					295											
	- KP Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Kế hoạch số 4598/KH-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh)	505					505											
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số (Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ)	275					275											
	- Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 3889/KH-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh)	891					891											
	- Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 của tỉnh Khán Hòa (QĐ số 2200/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh)	890					890											
	- KP thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (Kế hoạch số 11436/KH-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh, giai đoạn 2021-2025)	500					500											
	- Kinh phí thực hiện Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 (Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 03/03/2021 của UBND tỉnh)	780					780											

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ (Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh)	713					713											
	- Kinh phí hoạt động phòng, chống bệnh Lao	441					441											
	- Kinh phí hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm (bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản) theo Kế hoạch số 7963/KH-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh	252					252											
	- Kinh phí chương trình Phong	290					290											
	- Chương trình phòng chống rối loạn sức khỏe tâm thần tại cộng đồng theo Kế hoạch số 7963/KH-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh	376					376											
16.3	**Sự nghiệp đào tạo**																	
	- Đào tạo theo địa chỉ																	
	- Phát triển NNL																	
	- Kinh phí hỗ trợ bảo vệ luận tốt nghiệp thạc sĩ, chuyên khoa I, II, tiến sĩ																	
16.4	**Sự nghiệp môi trường:**	**400**									**400**							
	- Kinh phí đốt rác thải ngành y tế	400									400							
16.5	**Sự nghiệp khác**																	
	- Kinh phí thực hiện XPVPHC																	
17	**Sở Lao động Thương binh và Xã hội**	**183.997**			**111.759**											**11.567**	**60.671**	
17.1	**Chi quản lý hành chính**	**11.567**														**11.567**		
17.1.1	**Văn phòng Sở**	**11.567**														**11.567**		
17.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**7.554**														**7.554**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.959														**4.959**		
	- Kinh phí HĐLĐ	355														**355**		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.240														**2.240**		
17.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.605**														**2.605**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.032														**1.032**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.573														**1.573**		
17.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.408**														**1.408**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	70														**70**		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	471														**471**		
	- Trang phục thanh tra	26														**26**		
	- Kinh phí hoạt động thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	80														**80**		
	- Kinh phí xét tuyển viên chức sự nghiệp	36														**36**		
	- Kinh phí phòng chống mại dâm	200														**200**		
	- Công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về	50														**50**		
	- Kinh phí phòng chống ma túy	292														**292**		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí Đề án "Nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021-2025"	161														161		
	- Kinh phí hỗ trợ cho công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh KH	22														22		
	- Nâng cấp hệ thống mạng máy chủ, đảm bảo an toàn thông tin mạng của Sở LĐTBXH năm 2025																	
	- Kinh phí bảo vệ bí mật nhà nước																	
	Quỹ Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP																	
17.2	**Chi đảm bảo xã hội**	**60.671**															**60.671**	
17.2.1	**Văn phòng Sở**	**6.138**															**6.138**	
	- Đảm bảo Thương binh liệt sĩ	1.500															1.500	
	- Đảm bảo Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	700															700	
	- Đảm bảo lao động tiền lương -BHXH	120															120	
	- Đảm bảo bảo trợ xã hội - giảm nghèo	2.323															2.323	
	- Đảm bảo hoạt động bình đẳng giới	300															300	
	- Kinh phí trang thông tin điện tử của Sở	100															100	
	- Kinh phí pháp chế	35															35	
	- Kinh phí xác minh, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo	10															10	
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	90															90	
	- Đề án giải quyết lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh	800															800	
	- Chương trình an toàn vệ sinh lao động tỉnh	160															160	
17.2.2	**Trung tâm Điều dưỡng và chăm sóc người có công tỉnh**	**1.579**															**1.579**	
17.2.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.396**															**1.396**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.175															1.175	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	221															221	
17.2.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**183**															**183**	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	23															23	
	- Chi đối tượng tại Trung tâm Điều dưỡng và chăm sóc người có công	160															160	
	- Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử																	
	Kinh phí , sửa chữa tài sản của đơn vị: Năm 2025 đề xuất kinh phí sửa chữa thang máy khu nhà điều dưỡng 10 tầng và kinh phí sửa chữa, thay thế phụ tùng máy phát điện																	
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP																	
17.2.3	**Trung tâm Bảo trợ xã hội và công tác xã hội tỉnh**	**14.708**															**14.708**	
17.2.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**6.431**															**6.431**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.210															4.210	
	- Kinh phí HĐLĐ	749															749	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.472															1.472	
17.2.3.1	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.255**															**2.255**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	876															876	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.379															1.379	
17.2.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**6.022**															**6.022**	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	75															75	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	278															278	
	- Chi đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội và công tác xã hội tỉnh	5.329															5.329	
	- Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử																	
	- Hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội	300															300	
	- Hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim cho trẻ em	40															40	
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/NĐ-CP																	
17.2.4	**Cơ sở cai nghiện ma túy**	**23.544**															**23.544**	
17.2.4.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**6.177**															**6.177**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.711															4.711	
	- Kinh phí HĐLĐ	250															250	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.216															1.216	
17.2.4.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.565**															**2.565**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	980															980	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.585															1.585	
17.2.4.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**14.802**															**14.802**	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	55															55	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	248															248	
	- Chi đối tượng tại Cơ sở cai nghiện ma túy	14.499															14.499	
	- Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử																	
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/NĐ-CP																	
	Mua sắm, sửa chữa																	
17.2.5	**Nghĩa trang Hòn Dung**	**1.073**															**1.073**	
17.2.5.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.073**															**1.073**	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	9															9	
	- Kinh phí phục vụ các ngày lễ (thăm viếng nghĩa trang), các khoản chi điện thắp sáng, nước, tưới cây, phân bón, dụng cụ lao động, sửa chữa, trực lễ...	570															570	
	- Kinh phí hoạt động của Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung	494															494	
17.2.6	**Trung tâm Bảo trợ xã hội, chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí Khánh Hòa**	**11.082**															**11.082**	
17.2.6.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.572**															**3.572**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.398															2.398	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí HĐLĐ	374															374	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	800															800	
17.2.6.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.288**															**1.288**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	499															499	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	789															789	
17.2.6.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**6.222**															**6.222**	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	40															40	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	169															169	
	- Chi đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội, chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí Khánh Hòa	5.863															5.863	
	- Kinh phí hoạt động tại Trung tâm Bảo trợ xã hội, chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí Khánh Hòa	150															150	
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/NĐ-CP																	
17.2.7	**Trung tâm dịch vụ việc làm Khánh hòa**	**2.547**															**2.547**	
17.2.7.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.383**															**1.383**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	1.094															1.094	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	289															289	
17.2.7.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**495**															**495**	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	228															228	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	267															267	
17.2.7.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**669**															**669**	
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	22															22	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	52															52	
	- Kinh phi trả tiền nhuận bút, thù lao thực hiện Trang thông tin điện tử	25															25	
	- Đề án giải quyết lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	570															570	
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản																	
	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/NĐ-CP																	
17.3	**Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề**	**111.759**			**111.759**													
17.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**47.600**			**47.600**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	29.397			29.397													
	- Trường trung cấp du lịch kỹ thuật Cam Ranh	3.469			3.469													
	- Trường trung cấp nghề Ninh Hòa	3.917			3.917													
	- Trường trung cấp nghề Vạn Ninh	2.079			2.079													
	- Trường trung cấp nghề Cam Lâm																	
	- Trường trung cấp nghề Diên Khánh	2.446			2.446													
	- Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú Khánh Vĩnh	1.263			1.263													

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú Khánh Sơn	1.317			1.317													
	- Trường trung cấp kinh tế	3.712			3.712													
17.3.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**64.159**			**64.159**													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	398			398													
	- Đào tạo nghề bộ đội xuất ngũ	4.300			4.300													
	- Dạy nghề cho người khuyết tật	270			270													
	- KP hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018	850			850													
	- Cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	36.473			36.473													
	- Kinh phí quản lý dạy nghề	650			650													
	- Học bổng học sinh và hỗ trợ khác theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg	18.597			18.597													
	- Học bổng học sinh theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND	2.551			2.551													
	- Kinh phí hỗ trợ phục vụ học sinh ở nội trú	70			70													
	Kinh phí hoạt động thanh tra xử phạt vi phạm hành chính																	
	Kinh phí Chương trình phát triển nguồn nhân lực																	
18	**Sở Văn hóa và Thể thao**	**133.506**						**55.351**		**71.097**						**7.058**		
18.1	**Văn phòng Sở**	**7.058**														**7.058**		
18.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**4.655**														**4.655**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.153														3.153		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.356														1.356		
18.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.663**														**1.663**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	656														656		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.007														1.007		
18.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**740**														**740**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	40														40		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	282														282		
	- Trang phục thanh tra viên	24														24		
	- Nhuận bút, thù lao hoạt động cổng thông tin điện tử Sở	152														152		
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	50														50		
	- Kinh phí xét tuyển viên chức	20														20		
	- Đào tạo, huấn luyện ứng cứu sự cố an toàn an ninh mạng																	
	- Trang bị phương tiện PCCC và tập huấn công tác PCCC đối với CBCC																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Thực hiện khảo sát đánh giá an toàn hệ thống thông tin tại cơ quan	50														50		
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	22														22		
	- Kinh phí tổ chức hội nghị điển hình tiên tiến ngành văn hóa - thể thao	70														70		
	- Kinh phí xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	30														30		
	- Hội nghị sơ kết thu đua, khen thưởng 6 tháng đầu năm 2025 cụm thi đua số 9																	
	- Kinh phí tập huấn chuyển đổi số cho công chức, viên chức người lao động thuộc Sở																	
	- Kinh phí hoạt động cải cách hành chính																	
	- Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính																	
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa																	
	- Kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng																	
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm công tác pháp chế																	
18.2	**Chi sự nghiệp Văn hóa Thông tin**	**55.351**						**55.351**										
18.2.1	**Văn phòng Sở**	**5.815**						**5.815**										
	- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	400						400										
	- Kinh phí hoạt động gia đình, bình đẳng giới	170						170										
	- Tuần lễ văn hoá mừng Đảng, mừng Xuân	955						955										
	- Công tác xét và trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước (giải thưởng văn học nghệ thuật, nghệ nhân nhân dân và nghệ nhân ưu tú, nghệ sĩ nhân dân và nghệ sĩ ưu tú)	90						90										
	- Kinh phí kiểm kê dân ca, dân nhạc dân vũ của các dân tộc thiểu số theo Kế hoạch số 1460/KH-UBND ngày 21/02/2022	100						100										
	- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao hằng năm (bao gồm chương trình dịp lễ 30/4, 2/9 và chào đón năm mới)	3.000						3.000										
	- Tổ chức các hoạt động trao giải Cánh diều	1.000						1.000										
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 100 ngày báo chí cách mạng Việt Nam	100						100										
	- Kinh phí tổ chức Đại hội thi đua yêu nước tỉnh lần thứ VI, giai đoạn 2025-2030																	
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền Đại hội Đảng bộ tỉnh																	
	- Kinh phí tổ chức festival Biển 2025																	
	- Kinh phí triển khai thực hiện Nghị quyết số 34-NQ-TU ngày 22/12/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát huy giá trị di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030																	
18.2.2	**Bảo tàng Khánh Hòa**	**3.098**						**3.098**										

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
18.2.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.884**						**1.884**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.561						1.561										
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	323						323										
18.2.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**325**						**325**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	325						325										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP																	
18.2.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**889**						**889**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	25						25										
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	164						164										
	- Kinh phí nghiệp vụ	700						700										
	- Kinh phí mua sắm, sữa chữa tài sản																	
18.2.3	**Thư viện tỉnh**	**4.965**						**4.965**										
18.2.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.365**						**2.365**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.991						1.991										
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	374						374										
18.2.3.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**937**						**937**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	414						414										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	523						523										
18.2.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.663**						**1.663**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	29						29										
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	224						224										
	- Kinh phí nghiệp vụ	1.200						1.200										
	- Số hóa tài liệu thư viện tỉnh	80						80										
	- Liên hoan câu lạc bộ thư viện tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách	130						130										
	- Kinh phí mua sắm, sữa chữa tài sản																	
18.2.4	**Trung tâm văn hóa - điện ảnh**	**15.869**						**15.869**										
18.2.4.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**6.164**						**6.164**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.145						4.145										
	- Kinh phí HĐLĐ	355						355										
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.664						1.664										
18.2.4.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.198**						**2.198**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	862						862										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.336						1.336										
18.2.4.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**7.507**						**7.507**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	74						74										
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	458						458										
	- Kinh phí nghiệp vụ	1.600						1.600										

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Tuyên truyền pano tại lô cốt quân sự	50						50										
	- Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam	300						300										
	- Hoạt động đội tuyên truyền lưu động tỉnh	570						570										
	- Chương trình biểu diễn nghệ thuật đường phố	900						900										
	- Thực hiện đề án người khuyết tật	170						170										
	- Biểu diễn hô bài chòi	800						800										
	- Công tác cho thuê vị trí quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh	800						800										
	- Kinh phí chiếu phim lưu động	700						700										
	- Giải thưởng mỹ thuật thiếu nhi Khánh Hòa	485						485										
	- Tham gia năm du lịch quốc gia	250						250										
	- Tham gia Hội thi diễn xướng dân gian dân tộc Raglai																	
	- Tham gia hội thi tuyên truyền lưu động kỷ niệm 65 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh																	
	- Tham gia triển lãm di sản văn hóa danh thắng Việt Nam và sản phẩm thủ công truyền thống 2024																	
	- Tham gia triển lãm ngày hội gia đình Việt Nam																	
	- Tham gia hội diễn NTQC ca khúc cách mạng kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước	150						150										
	- Tham gia Hội thi tuyên truyền lưu động kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9	200						200										
	- Kinh phí đầu tư trang thiết bị âm anh, ánh sáng màn hình Led trong đề án chuyển đổi số 2023-2025																	
	- Mua 01 máy tính cấu hình cao phục vụ công tác thiết kế market tuyên truyền trực quan																	
	- Trang bị hệ thống PCCC																	
18.2.5	**Đoàn ca múa nhạc Hải Đăng**	**7.614**						**7.614**										
18.2.5.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.821**						**2.821**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.821						2.821										
	- Kinh phí hoạt động theo định mức																	
18.2.5.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.379**						**1.379**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	587						587										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	792						792										
18.2.5.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**3.414**						**3.414**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	44						44										
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	304						304										
	- Xây dựng chương trình mới	650						650										
	- Chương trình biểu diễn tại Trường Sa	110						110										

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí nghiệp vụ (biểu diễn phục vụ chính trị)	500						500										
	- Tham gia liên hoan chuyên nghiệp toàn quốc	1.200						1.200										
	- Tiền thưởng huy chương theo Nghị quyết 03/2016/NQ-HĐND	80						80										
	- Lễ kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản VN 3/2	526						526										
	Mua sắm, sửa chữa thiết bị văn phòng																	
	Kinh phí sửa chữa nhà 185 Thống Nhất																	
18.2.6	**Nhà hát nghệ thuật truyền thống**	**17.829**						**17.829**										
18.2.6.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**9.111**						**9.111**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	6.204						6.204										
	- Kinh phí HĐLĐ	667						667										
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.240						2.240										
18.2.6.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**3.315**						**3.315**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.291						1.291										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	2.024						2.024										
18.2.6.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**5.403**						**5.403**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	104						104										
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	588						588										
	- Kinh phí nghiệp vụ	1.100						1.100										
	- Kinh phí xây dựng chương trình mới	1.500						1.500										
	- Chế độ ưu đãi ngành văn hóa theo 17/NQ-HĐND	900						900										
	- Chương trình biểu diễn nghệ thuật đường phố	900						900										
	- Tiền thưởng huy chương theo NQ 03/2016/NQ-HĐND	131						131										
	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng diễn viên, nhạc công tại chỗ																	
	Mua sắm, sửa chữa tài sản (mua máy lạnh)																	
	Kinh phí cải tạo, sửa chữa hệ thống PCCC và CNCH năm 2025																	
	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc tại 149 Thống Nhất																	
	- Tham gia Liên hoan tuồng và dân ca kịch toàn quốc	180						180										
18.2.7	**Trung tâm bảo tồn di tích**	**161**						**161**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	161						161										
18.3	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**71.097**								**71.097**								
18.3.1	**Trung tâm Huấn luyện kỹ thuật thể thao**	**65.241**								**65.241**								
18.3.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.741**								**5.741**								
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.266								3.266								
	- Kinh phí HĐLĐ	1.291								1.291								
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.184								1.184								

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
18.3.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.746**								**1.746**								
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	680								680								
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.066								1.066								
18.3.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**57.754**								**57.754**								
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	74								74								
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	396								396								
	- Thể thao thành tích cao	56.000								56.000								
	- Kinh phí ưu đãi ngành thể thao theo NQ số 17/2010/NQ-HĐND	1.284								1.284								
	- Mua sắm, sữa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy																	
	Kinh phí mua BHXH, BHYT, BHTN, tiền khám sức khỏe định kỳ, điều trị chấn thương cho VĐV																	
	Mua xe nâng sửa điện nhà tập bóng chuyền																	
18.3.2	**Trung tâm Dịch vụ thi đấu thể thao**	**2.016**								**2.016**								
18.3.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**509**								**509**								
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	424								424								
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	85								85								
18.3.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP																	
18.3.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.507**								**1.507**								
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	7								7								
	- Thể thao quần chúng	1.500								1.500								
	Mua sắm, sửa chữa tài sản																	
18.3.3	**Văn phòng Sở**	**3.840**								**3.840**								
	- Thể thao quần chúng																	
	- Kinh phí ưu đãi ngành thể thao theo NQ số 17/2010/NQ-HĐND	140								140								
	- Tổ chức các hoạt động thể thao (giải tỉnh, giải toàn quốc, lớp tập huấn....)	2.700								2.700								
	- Tổ chức các giải thể thao trong chương trình Đại hội TDTT tỉnh Khánh Hòa X (2025-2026)	1.000								1.000								
19	**Sở Du lịch**	**12.143**										**7.065**			**7.065**	**5.078**		
19.1	**Văn phòng Sở**	**5.078**														**5.078**		
19.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.244**														**3.244**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.240														2.240		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	858														858		
19.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.192**														**1.192**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	466														466		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	726														726		
19.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**642**														**642**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	26														26		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	215														215		
	- Trang phục thanh tra viên	19														19		
	- Kinh phí nhuận bút trang thông tin điện tử	75														75		
	- Kinh phí phục vụ thẩm định phí	150														150		
	- Chi ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh	100														100		
	- Kinh phí tiếp công dân	35														35		
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	22														22		
	- Kinh phí thiết lập ứng dụng hướng dẫn viên ảo trên thiết bị di động																	
	- Kinh phí cải cách hành chính																	
	- Kinh phí hoạt động thanh tra																	
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản																	
19.2	**Sự nghiệp kinh tế**	**7.065**										**7.065**			**7.065**			
19.2.1	**Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch**	**2.349**										**2.349**			**2.349**			
19.2.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.640**										**1.640**			**1.640**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.035										1.035			1.035			
	- Kinh phí HĐLĐ	125										125			125			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	480										480			480			
19.2.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**542**										**542**			**542**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	215										215			215			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	327										327			327			
19.2.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**167**										**167**			**167**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	18										18			18			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	109										109			109			
	- Nhuận bút Website	40										40			40			
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản																	
19.2.2	**Hoạt động quảng bá du lịch**	**4.716**										**4.716**			**4.716**			
	- Chương trình hành động ngành du lịch	4.716										4.716			4.716			
20	**Sở Tài nguyên Môi trường**	**69.218**									**15.016**	**38.420**			**38.420**	**15.782**		
20.1	**Chi quản lý hành chính**	**15.782**														**15.782**		
20.1.1	**Văn phòng Sở Tài nguyên Môi trường**	**8.459**														**8.459**		
20.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**4.928**														**4.928**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.363														3.363		
	- Kinh phí HĐLĐ	209														209		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.356														1.356		
20.1.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.783**														**1.783**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	700														700		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.083														1.083		
20.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.748**														**1.748**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	42														42		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	295														295		
	- Kinh phí tập huấn và kiểm tra chấp hành pháp luật về khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản	150														150		
	- Trang phục thanh tra và kinh phí tiếp công dân	150														150		
	- Tổ chức các đoàn thanh kiểm tra	200														200		
	- Tổ chức đối thoại doanh nghiệp	10														10		
	- Các hoạt động công tác giá đất																	
	- Tập huấn, tuyên truyền phổ biến phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên nước tỉnh Khánh Hòa giao đoạn 2021-2030, định hướng đến 2050 (bg kiểm tra định kỳ, Ngày nước, ..); Tuyên truyền ngày nước, KTTG; Kinh phí kiểm tra định kỳ hoạt động tài nguyên nước	200														200		
	- Đo đạc xác định diện tích đất phục vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai TTLT 39/2011/TTLT-BTNMT-BTC ngày 15/11/2011	100														100		
	- Kinh phí thay mặt UBND tỉnh tham dự tòa án và nộp án phí	100														100		
	- Kinh phí sửa chữa định xe ôtô dùng chung																	
	- Kiểm tra hoạt động đo đạc và bản đồ của các đơn vị, tổ chức được cấp giấy phép	100														100		
	- Kinh phí hỗ trợ chế độ Nghị quyết 30/2023/NQ-HĐND	36														36		
	- Kinh phí hỗ trợ CCVC làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa theo NQ 23/2023/NQ_HĐND	65														65		
	-Tổ chức tập huấn lĩnh vực đất đai - tài nguyên môi trường	300														300		
	- Kinh phí XPVPHC																	
20.1.2	**Chi cục bảo vệ môi trường**	**1.825**														**1.825**		
20.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.708**														**1.708**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.120														1.120		
	- Kinh phí HĐLĐ	62														62		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	526														526		
20.1.2.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**																	
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP																	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP																	
20.1.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**117**														**117**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	17														17		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	100														100		
20.1.3	**Chi cục Quản lý đất đai**	**3.189**														**3.189**		
20.1.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.090**														**2.090**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.480														1.480		
	- Kinh phí HĐLĐ																	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	610														610		
20.1.3.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**783**														**783**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	308														308		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	475														475		
20.1.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**316**														**316**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	18														18		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	148														148		
	- Kinh phí thay mặt UBND tỉnh Khánh Hòa tham dự phiên tòa tại Đà Nẵng	30														30		
	+ Kinh phí xây dựng, hoàn thiện văn bản pháp luật	120														120		
20.1.4	**Chi cục biển, hải đảo**	**2.309**														**2.309**		
20.1.4.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.257**														**1.257**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	904														904		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	353														353		
20.1.4.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**481**														**481**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	188														188		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	293														293		
20.1.4.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**571**														**571**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10														10		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	94														94		
	- Tổ chức tuần lễ biển đảo	150														150		
	- Thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển	142														142		
	- Thẩm định và giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển Nghị định 51/2014/NĐ-CP (năm 2022 dự kiến 20 hồ sơ)	100														100		
	+ Thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị định 40/2016/NĐ-CP	75														75		
20.2	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**38.420**										**38.420**			**38.420**			
20.2.1	**Trung tâm phát triển quỹ đất**	**5.652**										**5.652**			**5.652**			
20.2.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.497**										**2.497**			**2.497**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.089										2.089			2.089			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	408										408			408			
20.2.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.151**										**1.151**			**1.151**			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	435										435			435			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	716										716			716			
20.2.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.004**										**2.004**			**2.004**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	31										31			31			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	223										223			223			
	- Kinh phí quản lý, bảo vệ các khu đất trống của tỉnh	1.500										1.500			1.500			
	- Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	250										250			250			
20.2.2	**Trung tâm công nghệ thông tin**	**3.220**										**3.220**			**3.220**			
20.2.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.529**										**1.529**			**1.529**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.274										1.274			1.274			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	255										255			255			
20.2.2.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**701**										**701**			**701**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	265										265			265			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	436										436			436			
20.2.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**990**										**990**			**990**			
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	20										20			20			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	150										150			150			
	+ Nâng cấp thiết bị máy chủ	200										200			200			
	- Duy trì và phát triển hoạt động cổng thông tin điện tử	80										80			80			
	+ Cập nhật CSDL về hồ sơ kho lưu trữ đối với loại tài liệu giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa																	
	- Kế hoạch thu thập dữ liệu về TNMT tỉnh KH																	
	- Đánh giá An toàn thông tin cho Sở TNMT và các đơn vị trực thuộc.																	
	- Vận hành và duy trì bản đồ trực tuyến	290										290			290			
	- Trang thiết bị bảo quản tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ	100										100			100			
	+ Xử lý mối mọt kho lưu trữ	50										50			50			
	+ Kế hoạch thu thập CSDL về TNMT	100										100			100			
20.2.3	**Văn phòng đăng ký đất đai**	**7.098**										**7.098**			**7.098**			
20.2.3.1	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**7.098**										**7.098**			**7.098**			
	- Bổ sung chế độ lễ Tết nguyên đán	98										98			98			
	- Kinh phí kiểm kê đất đai																	
	- Kinh phí vận hành máy chủ CSDL																	
	+ Kinh phí hỗ trợ ngân sách cho đơn vị thu phí để triển khai thực hiện Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND quy định miễn thu phí, lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến	7.000										7.000			7.000			
20.2.4	**Sở Tài nguyên môi trường**	**22.450**										**22.450**			**22.450**			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Lĩnh vực đất đai (kinh phí đo đạc, lập bản đồ, kiểm kê đất đai)	13.500										13.500			13.500			
	- Lĩnh vực khoáng sản	1.650										1.650			1.650			
	- Lĩnh vực nước, khí tượng thủy văn	4.000										4.000			4.000			
	- Kinh phí quy hoạch																	
	- Lĩnh vực biển đảo	3.300										3.300			3.300			
20.3	**Chi sự nghiệp môi trường**	**15.016**									**15.016**							
20.3.1	**TT Quan trắc môi trường**	**16**									**16**							
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	16									16							
20.3.2	**Hoạt động môi trường**	**15.000**									**15.000**							
21	**Sở Thông tin truyền thông**	**45.331**							**28.000**			**8.820**			**8.820**	**8.511**		
21.1	**Chi quản lý hành chính**	**8.511**														**8.511**		
21.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.885**														**3.885**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.508														2.508		
	- Kinh phí HĐLĐ	336														336		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.041														1.041		
21.1.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**1.327**														**1.327**		
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	522														522		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	805														805		
21.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**3.299**														**3.299**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	34														34		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	236														236		
	- Chi phí thuê tên miền, viết tin bài lên trang thông tin điện tử sttt.khanhhoa.gov	15														15		
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại TT Phục vụ hành chính công	22														22		
	- Kinh phí trang phục thanh tra	15														15		
	- Kinh phí chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	40														40		
	- Kinh phí hoạt động theo dõi, xử lý thông tin sai sự thật, thông tin xấu, độc trên không gian mạng	10														10		
	- Kinh phí triển khai các Đề án chỉ đạo tuyên truyền của tỉnh	780														780		
	- Tuyên truyền, quảng bá về Khánh Hòa trên Báo Thanh Niên và Thanh Niên online	270														270		
	- Truyền thông, quảng bá Nha Trang - Khánh Hòa trên poster	180														180		
	- Truyền thông, quảng bá hình ảnh tỉnh Khánh Hòa trên các mạng xã hội Facebook, Youtube	170														170		
	- Thông tin, tuyên truyền về tỉnh Khánh Hòa trên Đài Tiếng nói Việt Nam	290														290		
	- Hỗ trợ nhuận bút bài viết về du lịch Khánh Hoà	90														90		
	- Điểm báo trong nước về Khánh Hòa	40														40		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Tổ chức lớp tập huấn công tác thông tin đối ngoại	26														26		
	- Thực hiện tài liệu truyền thanh tuyên truyền về Ngày Sách Việt Nam 21/4, Ngày Sách và Bản quyền thế giới 23/4	13														13		
	- Tổ chức buổi gặp mặt các cơ quan báo chí nhân kỷ niệm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam và các hoạt động kỷ niệm 100 năm Ngày báo chí	60														60		
	- Chi hội nghị tổng kết công tác báo chí năm 2024, gặp mặt, chúc tết báo chí nhân dịp tết Nguyên đán 2025	8														8		
	- Tổ chức Hội sách	170														170		
	- Theo dõi tin trên mạng xã hội về Khánh Hòa	100														100		
	- Tổ chức lớp tập huấn về xử lý khủng hoảng truyền thông																	
	- Tập huấn về chuyển đổi số cho phóng viên, biên tập viên..., nhân lực thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan báo chí	150														150		
	- Tập huấn nghiệp vụ công tác thông tin cơ sở năm 2025	150														150		
	- Kinh phí tuyên truyền Festival biển và họp báo Festival biển 2025																	
	- Chi phí hội đồng đánh giá ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	10														10		
	- Hoạt động của Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh KH (Ban chỉ đạo xây dựng chuyển đổi số)	50														50		
	- Kinh phí tập huấn phục vụ chuyển đổi số của tỉnh	360														360		
	- Kinh phí kiểm tra công tác chuyển đổi số	10														10		
	- Kinh phí kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính																	
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật																	
	- Tập huấn và triển khai các chính sách an toàn thông tin																	
	- Kinh phí XPVPHC																	
	- Lập Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030																	
	- Xây dựng Quy hoạch dữ liệu tỉnh Khánh Hòa																	
	- Xây dựng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Khánh Hòa																	
21.2	**Trung tâm CNTT và Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh**	**6.920**										**6.920**			**6.920**			
21.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.319**										**1.319**			**1.319**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.098										1.098			1.098			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	221										221			221			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
21.2.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**604**										**604**			**604**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	228										228			228			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	376										376			376			
21.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**4.997**										**4.997**			**4.997**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	17										17			17			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	120										120			120			
	- Chi trực Trung tâm dữ liệu tỉnh	200										200			200			
	- Chi hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh	3.000										3.000			3.000			
	- Chi phí duy trì Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến; Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; Hệ thống thông tin địa lý về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa (GIS).	1.000										1.000			1.000			
	- Thuê không gian lưu trữ phục vụ sao lưu dữ liệu cho Trung tâm dữ liệu tỉnh	660										660			660			
	- Nâng cấp, cập nhật hệ thống GIS Khánh Hòa																	
	- Nâng cấp mở rộng hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh																	
	- Xây dựng Nền tảng số hóa dữ liệu tỉnh Khánh Hòa																	
	- Diễn tập đảm bảo an toàn thông tin định kỳ hàng năm																	
	- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ																	
	- Đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình đào tạo ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin																	
21.3	**Trung tâm cổng thông tin điện tử**	**1.900**										**1.900**			**1.900**			
21.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**558**										**558**			**558**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	439										439			439			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	119										119			119			
21.3.2	**Kinh phí thực hiện CCTL**	**238**										**238**			**238**			
	- BS tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP	91										91			91			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	147										147			147			
21.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.104**										**1.104**			**1.104**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	9										9			9			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	54										54			54			
	- Nhuận bút viết tin, bài trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa	1.000										1.000			1.000			
	- Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa																	
	- Kinh phí viết tin, bài trên trang Festival biển 2025																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí quản lý, vận hành trang Zalo OA "chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa" theo kế hoạch số 2198/KH-STTTT ngày 30/8/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa về Kế hoạch Thiết lập, vận hành trang Zalo Official Account "Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa"	41										41			41			
21.4	**Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình**	**28.000**							**28.000**									
	- Kinh phí đặt hàng sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình đối với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực báo chí trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	28.000							28.000									
22	**Sở Nội vụ**	**37.942**			**1.006**							**1.056**			**1.056**	**35.880**		
22.1	**Chi Quản lý nhà nước**	**35.880**														**35.880**		
22.1.1	**Văn phòng Sở**	**31.837**														**31.837**		
22.1.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**7.580**														**7.580**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	5.067														5.067		
	- Kinh phí HĐLĐ	230														230		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.283														2.283		
22.1.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.890**														**2.890**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.054														1.054		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.836														1.836		
22.1.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**21.367**														**21.367**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	69														69		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	522														522		
	- Khu Liên cơ	720														720		
	- Hệ thống mạng Sở Nội vụ																	
	- Chi tiếp công dân	38														38		
	- Kinh phí Đoàn kiểm tra kỷ luật, kỷ cương của tỉnh (công tác phí, xăng xe ...)	15														15		
	- Chi mua sổ Nhật ký Thanh tra																	
	- Trang phục thanh tra	32														32		
	- Xây dựng văn bản QPPL	80														80		
	- Chi phục vụ các đoàn công tác của các Bộ, ngành, tỉnh bạn đến làm việc tại tỉnh Khánh Hoà liên quan đến lĩnh vực Nội vụ																	
	Lĩnh vực địa giới hành chính: + Xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025 (dự kiến sắp xếp 23 đơn vị hành chính: 23 x 350.000.000đ)																	
	Đề án tổng thể xây dựng Khánh Hòa thành thành phố trực thuộc Trung ương (70% còn lại của Dự toán chi phí lập Đề án tổng thể theo Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh)																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	Xây dựng Đề án hợp phần quy hoạch ĐVHC của tỉnh																	
	Lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 – 2025																	
	Lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 – 2025																	
	- Kinh phí tổ chức đối thoại, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác thanh niên	43														43		
	- Thi đua khen thưởng	19.848														19.848		
	- Mua sắm máy lạnh																	
	- Văn thư lưu trữ																	
	Kinh phí "Xây dựng Cổng thông tin Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, phần mềm Quản lý lưu trữ tài liệu điện tử và số hóa"																	
22.1.2	**Ban Tôn giáo**	**4.043**														**4.043**		
22.1.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.265**														**1.265**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	912														912		
	- Kinh phí HĐLĐ																	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	353														353		
22.1.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**521**														**521**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	190														190		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	331														331		
22.1.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.257**														**2.257**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10														10		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	81														81		
	- Kinh phí chính sách tôn giáo	1.100														1.100		
	- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCC làm công tác tôn giáo theo Kế hoạch số 2876/KH-UBND ngày 11/4/2017 v/v triển khai thực hiện QĐ 174/QĐ-TTg (giai đoạn từ 2017-2020)	40														40		
	- Tuyên truyền, phổ biến quan điểm, đường lối của Đảng; phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo QĐ số 306/QĐ-TTg ngày 08/3/2017 (triển khai Luật tín ngưỡng Tôn giáo)	500														500		
	- Khám sức khỏe cho các sư tăng công tác ở Trường Sa	12														12		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Triển khai thủ tục hành chính về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc các tôn giáo theo QĐ số 868/QĐ-BNV ngày 17/8/2015	300														300		
	- KP hỗ trợ đặc thù về Tôn giáo	96														96		
	- Đại hội nhiệm kỳ các Tôn giáo	55														55		
	- Kinh phí Đề án "Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026"	63														63		
22.2	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**1.056**										**1.056**			**1.056**			
22.2.1	**Trung tâm lưu trữ lịch sử**	**1.056**										**1.056**			**1.056**			
22.2.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**897**										**897**			**897**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	744										744			744			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	153										153			153			
22.2.1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**159**										**159**			**159**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	12										12			12			
	Đánh giá lại tài liệu; của các đơn vị đang lưu giữ tại Kho Lưu trữ	57										57			57			
	Chi sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị PCCC; thang máy; điện vận hành Kho Lưu trữ	60										60			60			
	Khử trùng, chống nấm, mối mọt Kho Lưu trữ tài liệu	30										30			30			
	Thiết bị tu bổ, bồi nền tài liệu khác (giấy dó, chổi quét keo, hồ kích thước lớn, nhỏ; áo bảo hộ...)																	
	Trang bị hệ thống camera giám sát cho Kho tạm số 56 Nguyễn Thiện Thuật (08 mắt)																	
	Kinh phí sưu tầm tài liệu phục vụ triển lãm																	
	Kính phí chỉnh lý tài liệu Ban Quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh																	
	Kinh phí mua sắm máy móc thiết bị (01 Máy photocopy)																	
22.3	**Chi sự nghiệp đào tạo**	**1.006**			**1.006**													
	- Kinh phí đào tạo	1.006			1.006													
23	**Thanh tra tỉnh Khánh Hòa**	**11.441**														**11.441**		
23.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**6.778**														**6.778**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	4.746														4.746		
	- Kinh phí HĐLĐ	271														271		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.761														1.761		
23.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.707**														**2.707**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	987														987		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.720														1.720		
23.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.956**														**1.956**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	55														55		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	390														390		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Trang phục thanh tra	420														420		
	- Kinh phí tiếp dân	101														101		
	- Kinh phí nhuận bút trang thông tin điện tử	30														30		
	- Kinh phí thực hiện công tác đánh giá phòng chống tham nhũng và thanh tra theo chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ	80														80		
	- Kinh phí thực hiện thanh tra diện rộng theo chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ	700														700		
	- Kinh phí triển khai đánh giá công tác PCTN (Bộ chỉ số)	180														180		
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Nhóm giúp việc																	
	- Kinh phí tổ chức tập huấn chuyên đề																	
	- Kinh phí hội nghị tập huấn công tác kiểm soát tài sản thu nhập																	
	- Kinh phí cấp thẻ thanh tra viên, thanh tra viên chính																	
	- Nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số																	
	+ Xây dựng hệ thống giám sát hoạt động tiếp công dân thông minh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa																	
	+ Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý, theo dõi, nhắc việc công chức ngành Thanh tra tỉnh Khánh Hòa																	
	+ Xây dựng phần mềm nhật ký điện tử trong hoạt động thanh tra; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; giải quyết khiếu nại, tố cáo																	
	+ Nâng cấp, bảo trì Phần mềm hỗ trợ lập kế hoạch và xử lý chồng chéo, trùng lắp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa																	
	+ Nâng cấp Phần mềm hỗ trợ công tác xác minh tài sản, thu nhập của đối tượng thuộc thẩm quyền của Thanh tra tỉnh																	
	- Tích hợp các phần mềm, ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành Thanh tra																	
	+ Tích hợp các phần mềm, ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành Thanh tra																	
	+ Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin nhằm đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc chuyển đổi số																	
	+ Trang bị bản quyền phần mềm công tác thanh tra đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh Khánh Hòa (phần mềm dự toán Delta, phần mềm MICROSOST OFFICE, bản quyền key-online microsoft® 365 personal)																	
	+ Xây dựng hệ thống tác nghiệp lưu trữ Hồ sơ lưu trữ điện tử ngành Thanh tra tỉnh Khánh Hòa																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
24	**Hội đồng Liên minh các hợp tác xã**	**4.486**														**4.486**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	4.486														4.486		
	- Đại hội Liên minh HTX tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030																	
	- Sửa xe ô tô																	
	- Hội nghị điển hình tiên tiến giai đoạn 2025-2030																	
	- Tổ chức tháng hành động vì HTX và khen thưởng thành tích xuất sắc các tập thể, cá nhân																	
	- Hoạt động festival biển 2025																	
25	**Ban dân tộc**	**5.043**														**5.043**		
25.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.389**														**2.389**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.572														1.572		
	- Kinh phí HĐLĐ	146														146		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	671														671		
25.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**763**														**763**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	327														327		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	436														436		
25.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.891**														**1.891**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	21														21		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	156														156		
	- Chi trang phục cho thanh tra																	
	- Kinh phí chi cho cán bộ điều động	5														5		
	- Kinh phí tuyên truyền CTDT và CSDT	180														180		
	- Kinh phí triển khai các Chương trình phối hợp công tác dân tộc giữa Ban Dân tộc tỉnh với các Sở, ngành có liên quan theo chương trình công tác do Ủy ban Dân tộc triển khai	300														300		
	- Kinh phí tham gia hội thao ngày truyền thống cơ quan công tác dân tộc	140														140		
	- Sơ kết tổng kết chính sách dân tộc và chương trình công tác giữa UBND tỉnh với Ủy ban Dân tộc và hội nghị hội thảo trên địa bàn tỉnh	20														20		
	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật																	
	- Kinh phí tuyên truyền về tỉnh Khánh Hòa trên Báo Dân tộc	300														300		
	- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	769														769		
26	**BQL khu kinh tế Vân Phong**	**8.604**										**1.100**			**1.100**	**7.504**		
26.1	**Chi Quản lý nhà nước**	**7.504**														**7.504**		
26.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.017**														**5.017**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.344														3.344		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí HĐLĐ	272														272		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	1.401														1.401		
26.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.768**														**1.768**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	696														696		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.072														1.072		
26.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**719**														**719**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	65														65		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	331														331		
	- Kinh phí vận động xúc tiến đầu tư	200														200		
	- Nhuận bút, thù lao đăng trên trang thông tin điện tử của Ban	20														20		
	- Kinh phí thuê đặt máy chủ	21														21		
	- Kinh phí thực hiện công tác PCCC																	
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong Khu Kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp tỉnh	33														33		
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị pháp luật, phổ biến các quy định của pháp luật về lao động																	
	- Kinh phí tiếp công dân	27														27		
	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	22														22		
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa																	
	- Kinh phí phục vụ chuyển đổi số																	
	- Kinh phí thực hiện chỉnh lý tài liệu																	
	- Kinh phí thực hiện cải cách hành chính																	
26.2	**Chi Sự nghiệp kinh tế**	**1.100**										**1.100**			**1.100**			
26.2.1	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.100**										**1.100**			**1.100**			
	- Kinh phí duy tu bảo dưỡng các tuyến đường	1.100										1.100			1.100			
	- Kinh phí quy hoạch																	
27	**Tỉnh ủy Khánh Hòa**	**128.086**										**22.128**			**22.128**	**105.958**		
27.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**39.247**														**39.247**		
	Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	27.398														27.398		
	Kinh phí HĐLĐ	3.291														3.291		
	Kinh phí hoạt động theo định mức	8.558														8.558		
	- Văn phòng Tỉnh ủy Khánh Hòa	9.072														9.072		
	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy	5.179														5.179		
	- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	4.444														4.444		
	- Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	3.203														3.203		
	- Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh	3.350														3.350		
	- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	4.690														4.690		
	- Ban Dân vận Tỉnh ủy	2.876														2.876		
	- Ban Nội chính Tỉnh ủy	3.142														3.142		
27.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**14.775**														**14.775**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	5.701														5.701		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	9.074														9.074		
27.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**51.936**														**51.936**		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	281														281		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	2.293														2.293		
	- Hoạt độngChỉ thị 05 (Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh)	500														500		
	- Hoạt động Ban chỉ đạo35	909														909		
	- Hoạt động cấp ủy	8.822														8.822		
	- Thực hiện website Tỉnh ủy	220														220		
	- Chi chính sách cán bộ	4.344														4.344		
	- Chi khám sức khỏe cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	8.362														8.362		
	- Chi hoạt động báo cáo viên	2.681														2.681		
	- Kinh phí hoạt động tổ chức cơ sở Đảng ngoài quốc doanh	792														792		
	- Hoạt động Ban chỉ đạo 03	697														697		
	- Chi khen thưởng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên	1.207														1.207		
	- Chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên	2.242														2.242		
	- Chi hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	263														263		
	- Chi theo chế độ Trung ương	6.554														6.554		
	- Chi bảo trì hệ thống công nghệ thông tin	100														100		
	- Kinh phí hoạt động của Đoàn khối Doanh nghiệp và Đoàn khối cơ quan	400														400		
	- Kinh phí thuê nhà ở thương mại làm nhà công vụ cho đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy																	
	- Kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	100														100		
	- Kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp	100														100		
	- Kinh phí theo Quy định số 972/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	1.512														1.512		
	- Chi khen thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng theoNghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh	8.933														8.933		
	- Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại tỉnh	100														100		
	- Kinh phí hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện số 04-ĐA/TU	234														234		
	- Kinh phí giải báo chí về xây dựng Đảng tỉnh Khánh Hoà (theo Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 21/4/2023 của Tỉnh uỷ)	290														290		
	- Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin																	
	- Kinh phí mua sắm tập trung																	
	- Kinh phí cho Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030																	
27.3	**Chi sự nghiệp kinh tế (Báo Khánh Hòa)**	**22.128**										**22.128**			**22.128**			
27.3.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**4.513**										**4.513**			**4.513**			

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	3.833										3.833			3.833			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	680										680			680			
27.3.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**2.187**										**2.187**			**2.187**			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	798										798			798			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.389										1.389			1.389			
27.3.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**15.428**										**15.428**			**15.428**			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	52										52			52			
	- Chi sự nghiệp xuất bản báo	15.376										15.376			15.376			
28	**Trường Chính trị**	**13.499**			**13.499**													
28.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**10.472**			**10.472**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.632			5.632													
	- Kinh phí HĐLĐ	521			521													
	- Chi đào tạo																	
	- Kinh phí các lớp đào tạo trung cấp chính trị	3.936			3.936													
	- Kinh phí các lớp cao cấp lý luận chính trị	383			383													
28.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.399**			**1.399**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.172			1.172													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	227			227													
28.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.628**			**1.628**													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	65			65													
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	504			504													
	- Kinh phí các lớp tập huấn cho các đoàn thể	594			594													
	- Kinh phí các lớp cao cấp lý luận chính trị																	
	- Kinh phí đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ phục vụ cho đề án Trường chính trị chuẩn (4 tiến sĩ, 3 thạc sĩ)	465			465													
	- Kinh phí xuất bản sách chuyên khảo phục vụ cho đề án Trường chính trị chuẩn																	
29	**Ủy ban mặt trận tổ quốc**	**9.454**														**9.454**		
29.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**4.560**														**4.560**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3.032														3.032		
	- Kinh phí HĐLĐ	624														624		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	904														904		
29.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.637**														**1.637**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	630														630		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.007														1.007		
29.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**3.257**														**3.257**		
	- Tiêu chí bổ sung hoạt động thường xuyên	915														915		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	238														238		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	34														34		
	- Kinh phí kiểm tra, giám sát các hoạt động dân tộc, tôn giáo	50														50		
	- KP ủy viên ủy ban	130														130		
	- Kinh phí hoạt động và chế độ hội đồng tư vấn	107														107		
	- KP chi thăm hỏi theo NQ 06/2020/NQ-HĐND (chế độ, xăng xe công tác phí)	353														353		
	- Kinh phí thi đua khen thưởng của UBMTTQ Việt Nam theo Nghị định số 91/2017 ngày 31/7/2017 của Chính phủ	135														135		
	- Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	60														60		
	- Kinh phí tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các đối tượng chức sắc tôn giáo (Theo hướng dẫn công tác tôn giáo năm 2021 số 44/HD-MTTW-BTT ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Trung ương Mặt trận TQVN)	80														80		
	- Kinh phí tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các đối tượng người có uy tín tiêu biểu đồng bào dân tộc thiểu số	29														29		
	- Kinh phí tổ chức hội nghị chuyên đề, sơ kết, tổng kết cho các đối tượng dân tộc và chức sắc tôn giáo (Theo nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11 tháng 01 năm 2021)																	
	- Kinh phí tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ Mặt trận cơ sở (Thực hiện Đề án 01/ĐA-MTTW-BTT ngày 5/5/2015)	102														102		
	- Kinh phí hoạt động quản lý quỹ cứu trợ theo Thông tư số 174/2014/TT-BTC	26														26		
	- Kinh phí Uỷ ban Đoàn kết công giáo	898														898		
	- Kinh phí hoạt động của lực lượng cốt cán trong công tác tôn giáo	100														100		
	- Kinh phí kiểm tra giám sát chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																	
	- Kinh phí sự nghiệp môi trường																	
	- Kinh phí tổ chức cuộc thi tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Mặt trận tỉnh Khánh Hòa lần thứ XI, nhiệm kỳ 2024-2029, kết quả triển khai Chương trình hành động của Mặt trận các cấp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XIX, kỷ niệm 95 năm thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tổ chức hội nghị chuyên đề, sơ kết, tổng kết,... cho các đối tượng dân tộc																	
	- Kinh phí Đại hội thi đua yêu nước biểu dương Người tốt việc tốt trong đồng bào Công giáo tỉnh Khánh Hòa lần thứ V, giai đoạn 2020-2025																	
	- Kinh phí hoạt động về nguồn																	
	- Kinh phí kiểm tra công tác thi đua 6 tháng cuối năm 2025																	
	- Kinh phí kiểm tra công tác thi đua 6 tháng đầu năm 2025																	
	- Tham dự Hội thi cụm Khu vực Miền trung và Tây Nguyên																	
	- Kinh phí Tổ chức Hội nghị UBMTTQVN sơ kết công tác Mặt trận 6 tháng đầu năm 2025																	
	- Kinh phí Tổ chức Hội nghị UBMTTQVN tổng kết công tác Mặt trận năm 2025																	
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị trực tuyến do Ủy ban Trung ương tổ chức																	
	- Kinh phí tổ chức giao ban công tác Mặt trận quý I/2025																	
	- Kinh phí tổ chức giao ban công tác Mặt trận quý II/2025																	
	- Kinh phí tổ chức giao ban công tác Mặt trận quý III/2025																	
	- Kinh phí tổ chức giao ban công tác Mặt trận quý III/2025																	
	-Kinh phí tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm mô hình nông thôn mới năm 2025																	
	- Kinh phí tổ chức phát động Ngày thứ 7 xanh hưởng ứng Đề án chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2030																	
	- Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn cấp tỉnh, phổ biến về công nghệ Chat GBT, Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (A.I) phục vụ các hoạt động Mặt trận; kết hợp tuyên truyền về Đề án 06 về dữ liệu dân cư																	
	- Kinh phí tổ chức tổng kết 10 năm Đề án 01 theo mục 1.6 Chương trình công tác trọng tâm 2025																	
	- Kinh phí tổng kết 10 năm kết luận 02 về công tác dân tộc theo mục 1.6																	
	Kinh phí Góp ý văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh 30tr/ 1 Hoi nghi (1 Hội nghị Uy viên ủy ban , 1 Hoi nghi các chức sắc tôn giáo va 1 hội nghị lấy ý kiến các hội đồng tư vấn Uy ban MTTQ tỉnh)																	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn cho Trưởng Ban Công tác Mặt trận cơ sở (Chỉ thị số 14 của tỉnh ủy)																	
	Kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"																	
	Tuyên truyền, vận động và giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm																	
	Tập huấn cán bộ công chức, cộng tác biên tập trang tin và viết tin bài, chi chế độ nhuận bút, tin bài, sưu tầm cập nhật tin bài, quản lý Trang thông tin điện tử và fanpage																	
	Kinh phí thực hiện phong trào thi đua "Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế"																	
	Kinh Phí hoạt động quản lý Quỹ "Vì người nghèo"																	
	Kinh phí Kiểm tra Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11) tại khu dân cư																	
	Kinh phí tổ chức Kỷ niệm 95 năm thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất, Biểu dương cán bộ Mặt trận tiêu biểu																	
	Hội đồng tư vấn kinh tế - xã hội:																	
	Nắm bắt tình hình dư luận xã hội ở cơ sở ban Phong trào																	
	Kinh phí hoạt động giám sát- Phản biện xã hội																	
	Kinh phí tập huấn luật và nghiệp vụ công tác Dân chủ pháp luật																	
	Kinh phí tổng kết 10 năm luật mặt trận																	
	Kinh phí tập huấn luật công tác ban thanh tra nhân dân và ban giám sát đầu tư của cộng đồng																	
	Kinh phí hoạt động hội đồng tư vấn dân chủ pháp luật																	
	Theo dõi tiếp xúc cử tri đại biểu QH, HĐND, nắm bắt tình hình nhân dân																	
	Kinh phí bồi dưỡng tiếp công dân, xử lý đơn thư																	
	Kinh phí hoạt động hội đồng tư vấn hoạt động tôn giáo																	
30	**Tỉnh đoàn Khánh Hòa**	**10.249**						**2.995**								**7.254**		
30.1	**Chi quản lý hành chính**	**7.254**														**7.254**		
30.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.258**														**3.258**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.973														1.973		
	- Kinh phí HĐLĐ	381														381		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	904														904		
30.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.034**														**1.034**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	410														410		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	624														624		
30.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.962**														**2.962**		
	- Bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên	2.390														2.390		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	128														128		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	30														30		
	- Kinh phí phát triển đảng, đoàn trong các đơn vị kinh tế tư nhân giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch 15-KH/TU ngày 26/02/2021 của Tỉnh ủy	75														75		
	- Kinh phí tổ chức các hoạt động Hội sinh viên	339														339		
	- Chương trình tập huấn kỹ năng, ứng dụng công nghệ trong quảng bá, kinh doanh sản phẩm nông sản và thực hành trải nghiệm cho thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa															0		
30.2	**Chi sự nghiệp (Nhà thiếu nhi)**	**2.995**						**2.995**										
30.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**876**						**876**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	757						757										
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	119						119										
31.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**420**						**420**										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	158						158										
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	262						262										
30.2.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.699**						**1.699**										
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	9						9										
	- Kinh phí tổ chức các hội thi	460						460										
	- Kinh phí tham dự các cuộc liên hoan	460						460										
	- Tổ chức ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 và Tết trung thu cho trẻ em nghèo	287						287										
	- Kinh phí đào tạo chuyên môn cán bộ Đội	167						167										
	- Kinh phí huấn luyện kỹ năng phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em	115						115										
	- Hội trại Phù Đổng thiếu nhi Khánh Hòa	130						130										
	- Kinh phí tổ chức lễ thượng cờ	71						71										
	- Trại huấn luyện Kim Đồng toàn quốc tại Tây Ninh							0										
	- Chương trình biểu diễn trống kèn chào mừng kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước							0										
	- Liên hoan Nghệ thuật thiếu nhi các Cung, Nhà Thiếu nhi toàn quốc chào mừng 80 năm Quốc khánh nước CHXHCNVN và chào mừng Đại Hội Đảng các cấp tiến tới Đại Hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV tại Thái Nguyên							0										

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Lễ Khánh Thành Cung Văn Hoá Thiếu nhi Khánh Hoà							0										
	- Chi phí di chuyển hồ sơ, tài liệu, vật dụng về Cung văn hóa thiếu nhi làm việc							0										
	- Kinh phí chi lương hợp đồng lao động							0										
	- Kinh phí vận hành thời gian đầu đưa vào sử dụng Cung văn hóa thiếu nhi							0										
31	**Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Khánh Hòa**	**6.326**														6.326		
31.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**2.944**														**2.944**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.036														2.036		
	- Kinh phí HĐLĐ	190														190		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	718														718		
31.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.088**														**1.088**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	423														423		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	665														665		
31.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.294**														**2.294**		
	- Bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên	715														715		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	148														148		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	22														22		
	- Kinh phí Đề án Tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề trong tình hình mới giai đoạn 2017-2027	401														401		
	- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" trên địa bàn tỉnh (Theo Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)	101														101		
	- Đề án bồi sưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và Chi hội trưởng giai đoạn 2021-2025" (Kế hoạch số 4199/KH-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh)	251														251		
	- Đề án "Chống rác thải nhựa" giai đoạn 2020-2025 (Theo Quyết định số 1440/QĐ ngày 01/6/2021 UBND tỉnh)	420														420		
	- Đề án hỗ trợ Hợp tác xã cho phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030 (Theo Quyết định số 1510/KH-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh)	236														236		
	- Kinh phí trình diễn áo dài (hưởng ứng Festival biển 2025)															0		
	- Kinh phí tổ chức 95 năm ngày Thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam															0		
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến Phụ nữ Khánh Hòa (giai đoạn 2020-2025)															0		
	- Kinh phí Đại hội thi đua yêu nước do Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam tổ chức															0		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
32	**Hội Nông dân**	**9.746**			**2.639**											**7.107**		
32.1	**VP Hội nông dân**	**7.107**														**7.107**		
32.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.500**														**3.500**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	2.546														2.546		
	Kinh phí HĐLĐ	190														190		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	764														764		
32.1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**1.377**														**1.377**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	530														530		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	847														847		
32.1.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**2.230**														**2.230**		
	- Bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên	750														750		
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	209														209		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	23														23		
	- Bổ sung Quỹ hỗ trợ nông dân															0		
	- Kinh phí Tổ chức phiên chợ nông sản tại tỉnh	570														570		
	- Kinh phí tổ chức Phiên chợ sinh vật cảnh tỉnh Khánh Hòa năm 2025 (TB số 956-TB/TU ngày 6/8/2024 của Tỉnh ủy Khánh Hòa)	318														318		
	- Tham dự lễ tôn vinh và trao danh hiệu "Nông dân Việt Nam xuất sắc" nhân dịp 94 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930-14/10/2024)															0		
	- Kinh phí bảo trì phần mềm quản lý hội viên hội nông dân															0		
	- Tổ chức Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn bác Hồ"															0		
	- Tổ chức Hội thi Tuyên truyền viên giỏi toàn quốc năm 2025															0		
	- Chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền năm 2025															0		
	- Tổ chức Hội nghị "Lãnh đạo tỉnh đối thoại với nông dân" năm 2025															0		
	- Dự Hội nghị "Thủ tướng chính phủ đối thoại với nông dân Việt Nam" năm 2025															0		
	- Tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh lần thứ 5,6,7 và sơ tổng kết năm 2025; tham dự Hội nghị Ban Chấp hànhTrung ương Hội Nông dân Việt Nam lần thứ 5,6 khóa VIII tại Hà Nội															0		
	- Hội thi văn nghệ tuyên truyền các ca khúc cách mạng chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ 19															0		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Tổ chức Hội thao Chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ 19 và nhân kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 - 14/10/2025)															0		
	- Hội nghị biểu dương cán bộ Hội tiêu biểu tại Lễ kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt NamViệt Nam (14/10/1930-14/10/2025)															0		
	- Kinh phí Hội Nghị điển hình tiên tiến tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2025-2030 và đại hội cấp trên															0		
	- Tổng kết 20 năm Nghị quyết số 07-ND/HNDTW ngày 15/10/2005 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa IV về Hội Nông dân Việt nam tham gia phát triển kinh tế - xã hội nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn; Nghị quyết của ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII về việc " tham gia phát triển kinh tế - xã hội nâng cao chất lượng tổ chức Hội Nông dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo và miền núi"															0		
	- ,Sơ kết Nghị quyết số 10-ND/HNDTW ngày 27/7/2020, Hội nghi lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VII về " Hội Nông dân Việt nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020-2025"															0		
	- Tổng kết Nghị quyết số 14-ND/HNDTW ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa VII) về "Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025"															0		
	- Hội nghị Tổng kết chương trình phối hợp số 01/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN giữa Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa và Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh giai đoạn 2021 – 2025															0		
	- Hội nghị Tổng kết chương trình phối hợp số 2720/CTPH/HNDVN-BTLBP ngày 24/6/2019 giữa Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa và ban chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh giai đoạn 2019 – 2025															0		
	- Hội nghị Tổng kết chương trình phối hợp số 1781/CTr-CT-HNDVN ngày 8/9/2020 giữa Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giai đoạn 2020 – 2025															0		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Hội nghị Tổng kết Chương trình phối hợp số 03-CTrPH/HNDT-SKHCN ngày 20/8/2021 giữa Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa và Sở khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021 – 2025															0		
	- Hội nghị Tổng kết Quy chế phối hợp số 617/QCPH-BHXH-HND ngày 25/4/2022 giữa Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa và bảo hiểm xã hội tỉnh giai đoạn 2022 – 2025															0		
	- Hội nghị Tổng kết chương trình phối hợp giữa Hội Nông dân tỉnh Khánh Hòa và bưu điện tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025															0		
	- Tổ chức 08 lớp tuyên truyền về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 tại 8 huyện, thị xã, thành phố cho cán bộ Hội cơ sở															0		
	- Kinh phí thực hiện Kế hoạch 4054/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về triển khai thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2025	230														230		
	- Hội nghị tuyên truyên, vận động, sản sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2025	65														65		
	- Hội nghị tuyên truyên xây dựng nông thôn mới năm 2025	65														65		
	- Tổ chức chuỗi sự kiện Chương trình Tự hào Nông dân Việt Nam lần thứ 13 và Lễ tôn vinh và trao danh hiệu "Nông dân Việt Nam xuất sắc" năm 2025, nhân dịp kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930-14/10/2024); Diễn đàn Nông dân Quốc gia lần thứ 10.															0		
	- Kinh phí thực hiện khảo sát, tư vấn thành lập Hợp tác xã năm 2025															0		
	- ,Tổng kết Kế hoạch số 1055/KHUBND ngày 07/02/2022 về triển khai thực hiện chương trình phối hợp Tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa															0		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Tổ chức lễ phát động phong trào Phát động phong trào thi đua "Cán bộ, hội viên, nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp" năm 2025															0		
	- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong triển khai đề án 06															0		
32.2	**Trung tâm Hỗ trợ nông dân và Giáo dục nghề nghiệp**	**2.639**			**2.639**													
32.2.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**853**			**853**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	693			693													
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	160			160													
32.2.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**379**			**379**													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	144			144													
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	235			235													
32.2.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**1.407**			**1.407**													
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	7			7													
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	66			66													
	- Kinh phí nghiệp vụ	377			377													
	- Kinh phí đào tạo nghề	748			748													
	- Kinh phí tổ chức cho nông dân đi học tập mô hình chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp và liên kết theo chuỗi giá trị (Theo Thông báo Kết luận số 70/TB-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh)	69			69													
	- Hội thi tạo hình từ trái cây - phục vụ Festival Biển Nha Trang 2025				0													
	- KP tổ chức tập huấn tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Theo Thông báo Kết luận số 70/TB-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh)	140			140													
33	**Hội Cựu chiến binh tỉnh**	**2.896**														**2.896**		
33.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.734**														**1.734**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1.076														1.076		
	- Kinh phí HĐLĐ	271														271		
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	387														387		
33.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương**	**575**														**575**		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	224														224		
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	351														351		
33.3	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**587**														**587**		
	- Bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên	420														420		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	83														83		
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	14														14		
	- Hợp đồng bảo vệ Văn phòng	27														27		
	- Kinh phí mua sắm															0		
	- Kinh phí trả lương chế độ thôi công tác hội	43														43		
	- Kinh phí xuất bản Biên niên sử giai đoạn 2014-2024															0		
34	**Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật**	**2.775**														**2.775**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	2.775														2.775		
	- Trang Website (duy trì, tiền nhuận bút)															0		
	- Chi phát hành Bản tin															0		
	- Hội nghị phổ biến kiến thức KHCN															0		
	- Diễn đàn trí thức															0		
	- Kinh phí phổ biến các sản phẩm đoạt giải Hội Thi															0		
	- Tôn vinh trí thức tiêu biểu															0		
	- Kinh phí giao ban cụm 6 (Liên hiệp Hội Việt Nam)															0		
	- Kinh phí đại hội Liên hiệp các Hội KHJT															0		
	- Kinh phí mua máy photocopy															0		
35	**Liên hiệp các tổ chức hữu nghị**	**2.749**														**2.749**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	2.749														2.749		
	- Kinh phí tổ chức đại hội VIII (2025-2030)															0		
	- Trang bị máy móc thiết bị, văn phòng, sửa chữa xe ô tô															0		
36	**Hội Nhà báo**	**2.214**										**160**			**160**	**2.054**		
36.1	**Quản lý nhà nước**	**2.054**														**2.054**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	2.054														2.054		
	- Kinh phí tổ chức Đại hội nhà báo tỉnh Khánh Hòa lần thứ IX															0		
36.2	**Sự nghiệp thông tin**	**160**										**160**			**160**			
	- Hỗ trợ tác phẩm Báo chí TW	160										160			160			
37	**Hội văn học nghệ thuật**	**3.722**						**510**				**600**			**600**	**2.612**		
37.1	**Chi Quản lý nhà nước**	**2.612**														**2.612**		
37.1.1	**Văn phòng Hội**	**1.904**														**1.904**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	1.904														1.904		
	- Kinh phí triển lãm mỹ thuật khu vực V lần thứ 29															0		
	- Kinh phí triển lãm, tranh ảnh Festival															0		
37.1.2	**Tạp chí Nha Trang**	**708**														**708**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	708														708		
	- Kinh phí chi hoạt động bảo trì trang thông tin điện tử															0		
	- Kinh phí mua may tính cho phòng phát thanh															0		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
37.2	**Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin**	**510**						**510**										
	- Hỗ trợ sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật...	510						510										
37.3	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**600**										**600**			**600**			
	- Chi trợ giá Tạp chí Nha Trang	600										600			600			
38	**Hội đông y**	**894**														**894**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	894														894		
	- Kinh phí kiểm tra cơ sở thực hiện Thông tri số 14-TT/TU															0		
	- Kinh phí Đại hội đại biểu Hội Đông y nhiệm kỳ 2025-2030															0		
39	**Hội chữ thập đỏ**	**4.715**														**4.715**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	4.715														4.715		
	Kinh phí Hội nghị điển hình tiên tiến trong hoạt động nhân đạo giai đoạn 2020-2025															0		
40	**Hỗ trợ các hội tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp**	**7.659**														**7.659**		
40.1	**Hội Người mù**	**1.204**														**1.204**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	1.204														1.204		
	- Mua sắm, sửa chữa vật tư tài sản cố định															0		
40.2	**Hội Khuyến học**	**1.117**														**1.117**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	1.117														1.117		
40.3	**CLB Hưu trí**	**892**														**892**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	892														892		
40.4	**Hội Người cao tuổi**	**807**														**807**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	807														807		
	- Tổng kết 5 năm (2019-2024) phong trào người cao tuổi tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở cấp tỉnh, cấp huyện															0		
40.5	**Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**	**438**														**438**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	438														438		
	- Tuyên truyền về quốc tế tiêu dùng bằng sân khấu háa															0		
40.6	**Hội bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh**	**833**														**833**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	833														833		
40.7	**Hội Luật gia**	**635**														**635**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	635														635		
	- Kinh phí tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2024-2029															0		
40.8	**Hội Cựu thanh niên xung phong**	**520**														520		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	520														520		
	- Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Hội cựu thanh niên xung phong khóa IV (2019-2024)															0		
40.9	**Hội Kiến trúc sư**	**270**														**270**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	270														270		
40.10	**Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin**	**535**														**535**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	535														535		
	- Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh lần thứ V nhiệm kỳ 2025-2030															0		
	- Kinh phí kỷ niệm 63 năm ngày thảm họa da cam Việt Nam															0		
	- Kinh phí tổ chức hội nghị triển khai Nghị quyết đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2023-2028 của Hội NNCĐDC/Dioxin Việt Nam															0		
40.11	**Hội Chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày**	**353**														**353**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	353														353		
40.12	**Hội truyền thống kháng chiến cứu nước**	**50**														**50**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	50														50		
40.13	**Ban liên lạc đường Hồ Chí minh trên biển**	**5**														**5**		
	Kinh phí hỗ trợ đảm bảo các hoạt động và nhiệm vụ do Nhà nước giao	5														5		
41	**Đài Phát Thanh và Truyền hình Khánh Hòa**	**6.377**							**6.377**									
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	221							221									
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ truyền dẫn, phát sóng kênh chương trình truyền hình Khánh Hòa phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của tỉnh Khánh Hòa trên các hạ tầng toàn quốc	6.156							6.156									
42	**KHỐI AN NINH QUỐC PHÒNG**	**51.573**	**40.498**	**11.075**														
	BCH Quân sự tỉnh Khánh Hòa	33.338	33.338															
	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa	7.160	7.160															
	Công an tỉnh Khánh Hòa (bao gồm kinh phí cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy)	11.075		11.075														
43	**CHI CHO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC**	**521.015**			**16.264**		**407.491**					**48.400**			**48.400**	**500**	**48.360**	
43.1	**Làng trẻ em SOS**	**1.828**															**1.828**	
	- Kinh phí mua BHYT và hỗ trợ tiền ăn theo chế độ của tỉnh	1.828															1.828	
43.2	**Đại học Nha Trang**	**1.264**			**1.264**													
43.3	**Bảo hiểm xã hội**	**46.532**															**46.532**	
	- Chi 1/5, 2/9 cho cán bộ hưu trí	11.962															11.962	
	- Chi tết nguyên đán cho cán bộ hưu trí	15.950															15.950	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Chi cho cán bộ hưu theo QĐ số 10/QĐ-UBND	434															434	
	- Trợ cấp mất sức lao động	1.003															1.003	
	- Trợ cấp qua bưu điện	82															82	
	- Kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng tham gia BHXH tự nguyện	17.101															17.101	
	+ Người nghèo	552															552	
	+ Cận nghèo	1.226															1.226	
	+ Đối tượng khác	15.323															15.323	
43.4	**Kinh phí bảo hiểm các đối tượng**	**407.491**					**407.491**											
	- Bảo hiểm y tế người nghèo, dân tộc thiểu số	81.693					81.693											
	- Bảo hiểm y tế cho người sống ở vùng có ĐK KTXH đặc biệt khó khăn	13.061					13.061											
	- Bảo hiểm y tế cận nghèo	55.847					55.847											
	- Bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi	151.539					151.539											
	- BHYT học sinh sinh viên	74.619					74.619											
	- BHYT cho nhân dân xã đảo	29.959					29.959											
	- BHYT bãi ngang						0											
	- BHYT cho người hiến tạng	56					56											
	- BHYT cho người từ đủ 80 tuổi trở lên hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	717					717											
43.5	**Cục quản lý thị trường**	**300**														**300**		
	- Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo 389 tỉnh Khánh Hòa (BS trong năm)	300														300		
43.6	**Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang**	**900**										**900**			**900**			
	- Hỗ trợ cho công nhân trực tiếp thu dọn rác nhân dịp Tết Nguyên đán	900										900			900			
43.7	**Kho bạc nhà nước tỉnh**	**200**														**200**		
	- Kinh phí khóa sổ năm 2024	200														200		
43.8	**Kinh phí sự nghiệp các chương trình**	**62.500**			**15.000**							**47.500**			**47.500**			
	- Chương trình nông thôn mới	**27.500**										27.500			27.500			
	- Chương trình Phát triển nguồn nhân lực	15.000			15.000													
	- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	10.000										10.000			10.000			
	- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.000										10.000			10.000			
44	**Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo mục tiêu tại Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị**	**430.000**			**10.000**			**120.000**				**300.000**			**300.000**			
	- Chi cho công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất tại Khu Kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm	150.000										150.000			150.000			
	- Chi cho công tác đo đạc, quy hoạch	150.000										150.000			150.000			
	- Chi cho công tác chuyển đổi số	130.000			10.000			120.000										
45	**Chi khác ngân sách**	**1.426.951**	**40.000**	**18.000**	**213.000**			**50.000**			**34.000**	**220.972**	**68.590**	**121.382**	**31.000**	**709.000**	**115.000**	**26.979**
	- Kinh phí hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng chính sách (NHCSXH)	7.178																7.178

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	- Kinh phí khoán cho Hợp đồng theo NĐ 111																	
	- Kinh phí Đại hội các đơn vị, địa phương																	
	- Kinh phí tổ chức năm du lịch và các chương trình nghệ thuật																	
	- Kinh phí bảo trì các công trình thủy lợi cấp huyện quản lý																	
	- Kinh phí bảo trì, sửa chữa các tuyến đường cấp huyện quản lý																	
	- Kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các công trình công cộng																	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện công nghệ thông tin và tăng cường trang thiết bị phương tiện làm việc cho ngành tài chính	4.000														4.000		
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa cho các đơn vị, địa phương	0														0		
	- Kinh phí trang bị xe ô tô	35.000														35.000		
	- Kinh phí nâng cấp, bảo trì phần mềm	10.000														10.000		
	- Tăng chế độ lễ, tết so với Nghị quyết 31/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh	63.000			20.000											43.000		
	- Hỗ trợ trang phục, công cụ cho lực lượng dân quân tự vệ, mua sắm, sửa chữa cho lực lượng ANQP	50.000	35.000	15.000														
	- Kinh phí diễn tập của khối an ninh quốc phòng	3.000		3.000														
	- Nhiệm vụ huy động tàu thuyền	5.000	5.000															
	- Kinh phí cải cách hành chính toàn tỉnh	15.000														15.000		
	- Kinh phí tăng đối tượng so với dự toán đã bố trí	75.000			30.000												45.000	
	- Hỗ trợ Lễ, Tết cho các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn	5.000														5.000		
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	12.612										12.612	12.612					
	- Chi trích phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực	7.000														7.000		
	- Bổ sung một số chế độ, chính sách tăng so với dự toán đã bố trí	88.000			38.000												50.000	
	- Hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND	34.000									34.000							
	- Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ cho các quỹ bảo trì đường bộ địa phương	55.978										55.978	55.978					
	- Kinh phí hỗ trợ cho địa phương sản xuất lúa theo quy định Nghị định 112/2014/NĐ-CP	21.382										21.382		21.382				
	- Kinh phí hỗ trợ học phí tại các cơ sở giáo dục công lập	75.000			75.000													

STT	Nội dung	Tổng cộng	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác			
	Kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ	100.000										100.000		100.000				
	- Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	20.000															20.000	
	- Kinh phí các ngày lễ lớn	30.000						30.000										
	- Kinh phí Đại hội Đảng các cấp	100.000														100.000		
	- Kinh phí tổ chức Festival biển	20.000						20.000										
	- Kinh phí thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ	50.000														50.000		
	- Kinh phí Đề án sát nhập xã phường	10.000														10.000		
	- Kinh phí Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	15.000														15.000		
	- Kinh phí tăng định mức chi thường xuyên	334.000														334.000		
	- Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo Nghị định 138/NĐ-CP ngày 24/10/2024 (*Trong đó bao gồm kinh phí sửa chữa các công trình giáo dục và nhà vệ sinh học đường)*	162.000			50.000							31.000			31.000	81.000		
	- Các khoản chi khác	19.801																19.801